Năm thứ nhất.— Số 19 Thứ sáu, 17 Octobre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ — *Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tố*
Những tục-ngữ, ca-dao về ngày giỗ vua Lê Thái-Tổ — *Sùng-Thanh*
Một cuộc hành-hương — *Lê-Thanh và Trúc-Khê*
Trần-Can (kịch lịch-sử bằng thơ) — *Phan-khắc-Khoan*
Nói thêm về chuyện « Trạng Me dè Trạng Ngọt » — *Long-Điền Nguyễn-văn-Minh*
Trần Xuân-Soạn — *Nhật-Nham*
Nghiên-cứu và bình-luận về thể thơ tự-do (III) — *Lê-Thanh*
Trăng soi mộ-địa (thơ) — *H. Minh-Tuyền*
Lội xuống biển khơi, cứu vua Tự-đức thoát hiểm — *Tiên-Đàm*
Quân-cảng Tân-gia-ba — *Nhật-Nham*
Đừng nên coi thường quốc-văn .. — *Hoa-Bằng*
Việt-nam văn-học sử (IX) — *H. B.*
và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 – 6 tháng 2$80 – 3 tháng 1$50
Các công sở : giá gấp đôi — **Mỗi số 15 xu**
TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Đừng ôm thành-kiến coi thường quốc-văn! Đừng nên cẩu-thả khi viết tiếng mẹ đẻ!

HOA-BẰNG

THẤY quốc-văn là thứ văn viết bằng tiếng mẹ đẻ, nhiều người tưởng rằng viết quốc-văn rất dễ, có thể viết sao nên vậy, không cần phải mẹo-mực phép-tắc gì.

Nghĩ thế, lầm to!

Lại có lắm người học tuy rộng, biết tuy nhiều, nhưng viết quốc-văn thì lại lủng-củng, lằng-nhằng, lôi-thôi, ngớ-ngẩn, có khi *lời* không đạt được *ý* nữa! Đó vì họ ôm cái thành-kiến coi khinh quốc-văn, không chịu luyện tập, tưởng rằng cứ *nói* thế nào thì có thể *viết* ra thế ấy.

Nghĩ thế, lại lầm to!

Xin nhớ: viết lối « chắp chữ » bằng tiếng mẹ đẻ thì dễ ai cũng có thể cầm bút là viết được; nhưng viết cho *ra văn*, viết cho *lấy hay* thì không phải là chuyện dễ đâu.

Chính ông Huỳnh Thúc Kháng đã thú thực trên tờ *Tiếng Dân*: Bàn đầu chưa quen viết quốc-văn, ông thấy rằng hạ bút viết một bài văn bằng chữ hán thật dễ dàng và mau chóng hơn viết một bài bằng tiếng mẹ đẻ nhiều lắm.

Mà ông Phan Khôi cũng đã lớn tiếng nói trên tờ *Phụ-nữ Tân Văn*: Chính ông phải luyện-tập quốc-văn hàng hơn mười năm, rồi mới viết được như nay đấy!

Lại một ông bác-sĩ kia viết văn tây tuy giỏi, nhưng khi viết đến quốc-văn, nếu gặp bài nào quan-trọng thì ông lại phải viết bằng tiếng pháp trước, rồi nhờ người khác dịch ra tiếng ta.

Kể ba thí-dụ trên, tôi chỉ có ý muốn tỏ ra rằng những ai dù giỏi văn tàu, văn tây đến đâu cũng không thể một bước nhảy ngay lên địa-vị « hay quốc-văn » được. Muốn viết được quốc-văn cho thật hay, tất phải trải qua những lịch-trình « sát da, sầy vảy», phải chịu những thủ-tục « tôi, rèn » của « lò lửa » thời-gian, bấy giờ thanh bảo-kiếm bách luyện do văn-khí kết-tinh kia mới mong nảy những tia sáng quắc được.

●

Quốc-văn, cũng như văn-tự các nước khác, có chia làm hai lối: *Khẩu-ngữ thể* và *văn-ngữ thể*.

Khẩu-ngữ thể là lối nói thường, từ ngữ-thể đến cú-pháp đều theo tự-nhiên mà thốt ra, không cần phải trau-chuốt cho văn-vẻ, không cần phải đẽo gọt cho đúng mực-thước. Có khi lời nói tuy không rạch-ròi khúc-triết, nhưng người nghe cũng có thể đón ý, nghe giọng mà hiểu suốt được.

Khác thế, *văn-ngữ thể* phải đúng mẹo, phải phân minh, phải rành-mạch, phải hết sức tránh cái nạn tối nghĩa, không đạt ý, lằng-nhằng, lủng-củng, khó hiểu.

Khẩu-ngữ thể có thể dùng nhiều những tiếng giới-từ như « của », liên-từ như « thì, mà » cũng chẳng sao. Còn *văn-ngữ thể*? càng tránh được những tiếng « của », « thì », « mà » ấy bao nhiêu càng hay bấy nhiêu.

Trong *khẩu-ngữ thể* thường hay dùng những tiếng trợ-từ như *ở, ư, chưa, v v.*

Cử lệ:

Anh không đi *ở*? Tôi lại chịu thế *ư*? Ông đã lấy đủ giấy-má *chưa*?

Nhưng đến *văn-ngữ thể*, người ta có thể bỏ bớt tiếng trợ-từ ở cuối mỗi câu, làm cho lời văn được già hơn, mạnh hơn: *Anh không đi? Tôi lại chịu thế? Ông đã lấy đủ giấy-má?*

Lại có lắm tiếng chỉ có thể dùng trong *khẩu-ngữ thể* nhưng không thể viết trong *văn-ngữ thể* được, tức như những tiếng *mấy, lị*.

Có thể nói: Đợi tôi *mấy*. Sao *lị* thế?

Nhưng khi viết, trừ những trường-hợp muốn hình dung khẩu-vẫn của người nói, cần phải viết là: Đợi tôi *với*! Sao *lại* thế?

Như vậy, cần phải nhận rành cái tỉ mỉ trong mẹo mực quốc-văn và cần phải chú-trọng về cách luyện chữ, luyện câu, mới mong có thể viết thành văn được.

●

Ngoài cách làm văn ra, trong lối viết quốc-văn ngày nay, từ những tiểu tiết như viết hoa những tiếng tên riêng, đặt gạch ngang để nối những tiếng kép, tôi nhận thấy phần nhiều hãy còn lỗ-mỗ, chưa nhất trí.

Ngay như trên tờ Tri-Tân này, tôi xin thừa nhận, những khuyết, điểm ấy, cũng hãy còn chưa tránh được hết.

Về cách viết hoa các tiếng tên riêng và đặt dấu nối các tiếng kép, bạn Đào Duy Anh đã nói kỹ ở một đoạn trong thiên « *Dạng-bản văn-pháp* » đăng trên Tri-Tân rồi. Nay xin nhắc lại đoạn ấy của Đào-quân, rồi ta cùng nhau thảo-luận:

« Cách viết tiếng chỉ tên riêng. —

« *Tiếng chỉ tên riêng là tiếng đơn thì phải viết hoa chữ đầu, ví dụ: anh Xuân, họ Lê, núi Ngự, lũy Thầy.*

« *Nếu là tiếng kép thì phải để dấu nối (trait d'union) để nối liền những tiếng đơn lại.*

« *Nếu là tên người hai tiếng thì hai tiếng đều phải viết hoa, ví dụ: Huyền-Trân, Đinh-Chi, Công-Trứ, Mạnh-Trinh. Những tên tự, tên hiệu, tên tước, tên miếu thì viết nối, mà*

Xem tiếp trang 23

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Ứng Hoè NGUYỄN-VĂN-T

TÔI chưa thấy có quyển quốc-văn hợp-tuyển nào biên rõ những bài văn cổ trích ở đâu ra : ở sách in hay sách viết, sách chữ-nôm hay sách quốc-ngữ ? Sự khuyết-điểm ấy không thể đổ lỗi cho nhà xuất-bản được, vì từ trước đến giờ những quyển văn-tuyển chỉ dùng làm sách giáo-khoa, chứ không phải là loại sách khảo-cứu.

Tuy vậy, cũng cần phải biết những bài văn cũ xuất-xứ ở bản nôm nào, và đem ra so sánh kiểm điểm, thì may mới giữ được nguyên-văn.

Tôi thấy trong sách nôm của trường Bác cổ có vài bài khác hẳn với những bài đã in trong những quyển thi-tuyển bằng quốc-ngữ, nên tôi sao ra đây để làm tài-liệu cho việc đính chính sau này.

I

Thắng mõ (1)

Mõ này cả tiếng lại dài hơi,
Cấp rổ (2) cùng bầu (3) chẳng phải chơi.
Mộc-đạc vang lừng trong bốn lối (4)
Kim-thanh chuyển động (5) khắp đôi nơi.
Trẻ già chốn chốn đều nghe hiệu (6),
Làng nước ai ai cũng (7) cứ nhời.
Muôn một dưới trên (8) quyền cất đặt,
Một mình một chiếu thảnh-thơi ngồi.

(Theo quyển *Xuân-hương thi, phụ tạp sao* sách của Bác-cổ, số A B 620, tờ thứ 3-a, bản viết) (9).

Bài thơ thắng mõ

Gớm thay nhớn tiếng lại dài hơi,
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi.
Mộc-đạc vang lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh rền-rĩ khắp đôi nơi,
Đâu đâu đấy đấy đều nghe lệnh,
Xã xã dân dân phải cứ nhời.
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi.

(Theo quyển *Việt-tuy tham-khảo*, của Đằng-châu cư-sĩ Nguyễn-Thiệu tập-biên, sách Bác-cổ số AB 386, tờ thứ 2-b, bản viết.)

II

Lấy chồng cho đáng tấm chồng (10)

Văn « *lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang điểm má hồng răng đen* ». Truyện rằng « *chớ tham ruộng cả ao liền, tham vì cái bút cái nghiên anh đồ* » : cố kỳ nghĩa dã. Bỉ dài lưng tôn vải, ăn no lại nằm, tằng kiến ư thiên vạn nữ-nhi chi tiếu, hựu hà sở thủ ư anh đồ dư, bạn kim-loan hãi thì vị trần chi, dĩ quan các cô chi ý.

Em thưa rằng : công-trình hầu dễ biết mấy xuân, gương lần để khách hồng-quần thư soi. Vạy khi sen ngó đào tơ, mong gặp hội nhân-duyên chi phải lứa ; giai tài gái sắc, thực là duyên cầm sắt chi tốt đôi. Chọn mặt gửi vàng, dẫu mấy nghìn người thì cũng vậy.

Nay vâng sách hỏi ma lược bay đây.

Dám rằng : rồng bay còn đợi đám mây, bắn bình tước phải đợi tay anh-hùng. Lấy chúng em ma đỏ hồng-hồng, răng đen rưng-rức, chẳng những đam ư cô tu dĩ nho chi dự, thực cũng trung bình ư chồng loan vợ phượng chi duyên. Nếu mà cù đậu cành mai, thì công trang-điểm chẳng hoài lắm ru ? Vậy nên sớm gửi tơ duyên, ai là chẳng ngọc đá, vàng thau chi kén chọn ?

Nay xét chưng truyện phương-ngôn, chị em bạn gái có nói rằng : « Chớ tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Tượng rằng : ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau, mà cam sánh với quả quít hôi, đã cân nhắc ư ba một đồng đôi chi giá. Hoa đào tiên cấm, chớ bán thuyền buôn, cây quế cỗi trầm, chẳng làm cọc giậu. Vả ruộng sâu ao cá, chú nông kia chi trọc-phú những khoe giàu ; bỉ Vương-khải, Thạch-Sùng đã từng đấu phú, thì cũng dương mắt ếch ư của đời người thế chi thu. Nghiên ruộng bút cầy, anh đồ nọ chi đa văn, không ngại khó ; bỉ Mãi-Thần, Mông-

---

1 Trong bản chữ nôm của Trường Bác-cổ, đề là Vịnh đục-nhâu,

2. Chữ nôm viết là 𠸄 𠸄 thường đọc là khấp đũa, nhưng khấp đũa thì không có nghĩa gì cho nên các nhà nho đọc là cấp rổ.

3 Những quyển quốc-văn trích-diểm in bằng quốc-ngữ thường viết câu này là « Mẫn-cán ra tay chẳng phải chơi », không rõ xuất-xứ ở đâu.

4. Có bản chữ-nôm viết là « bốn cõi », như bản Việt-tuy tham-khảo sao trên kia.

5. Có bản chép là « rền-rĩ ».

6. Có bản chép là « nghe lệnh ».

7. Có quyển quốc-ngữ viết là « ai ai phải... »

8. Có bản chữ-nôm viết là : « Trên dưới quyền hành tay cất đặt ».

9. Người ta thường nói chính vua Lê Thánh Tôn (1460-1497) làm ra bài thắng mõ. Ở đây chúng tôi chưa bàn đến vội, vì mục-đích của chúng tôi là gom-góp tài-liệu, để khi nào đâu, đem ra phân-tách cho rõ ràng, rồi mới xét đến vấn-đề tác-giả

10. Bài văn-sách này tương truyền là của ông Lê quí-Đôn. Ông Nordemann (thường gọi là Ngô-đế-Mân) làm quyển Quảng tập viêm văn, xuất-bản năm 1898, in ra quốc-ngữ trước tiên, nhưng bỏ sót một vài câu.

Những quyển văn-tuyển xuất-bản gần đây cũng không chép đủ. Bản nôm của Trường Bác-cổ, mà tôi chép ra đây, có đủ và có đúng không ? Xin để các nhà sành nôm xét đoán.

Chính có nhẽ trường bần, thì cũng bồng cảnh hồng ư bỉ cực thái lai chi hội.

Nông nhi sĩ nhất : nhẽ ấy đã đanh. Nhưng chân lấm tay bùn, chú nông những vũ-phu chi cục-kịch, dĩ yếm thắm quần hồng chi tha-thướt, ư thử nhi mang bầu xách lọ, sao cho cam hạt ngọc đề ngâu vầy ? Mắt thánh tai hiền, thay nho là quân-tử chi dịu-dàng, dì môi son má phấn chi nhởn-nhơ, ư thử nhi sửa túi nâng khăn, thì mới đang cảnh ngô cho phượng đỗ.

Tưởng anh đồ chi sự-nghiệp, đ n xanh một ngọn, án bút chuyên-cần, quyền vàng ba bộ, cửa huỳnh ong giả. Còn trong trần-lụy, anh đồ la vị vũ chi giao-long, may k oa thi danh chiếm bảng vàng, rc ngày nọ chi han-nho, ngày nay đã ông cử ông nghè chi đai-cac. Em nhờ duyên la thắm, thì t ước voi anh, sau vỗng thiếp, cũng thỏa đời ư vỗng lọng chi nghênh-ngang.

Chưng thuở hàn-vi, anh đồ là ẩn sơn chi hổ báo, gặp vận thái ơn vua phấn nước, tức ngày xưa chi hàn-sĩ, ngày nay đã quan tham quan thượng chi phong-lưu. Em nay nhờ phận đẹp chỉ hồng, thì chàng quan cả, thiếp hầu bà, cũng sướng kiếp ư ngựa xe chi đủng-đỉnh.

Dẫu dài lưng tốn vải, bây giờ đã vỗng đào áo gấm chi banh-bao. Dẫu ăn no lại nằm, bây giờ đã ghế ngựa giường cao chi chỉnh-chện, mà vi lỗ thủ tiền, nông cũng như đười-ươi chi giữ ống, tức thừa tiền môn-hạ, phải bon-chen ư cửa hầu bằng bề chi thu, phú đa chiêu-oán, nông cũng như ró nhà chi con tôm, (1) tức gianh bạc lễ tâm, phải khúm-num ư ngọn bút nghìn vàng chi tế

Đáo thử tắc chồng quan giàu, thiếp hầu đẹp, ai chẳng khen nhất thế chi thần-tiên, danh-phận cả, bổng-lộc nhiều, đời mới thỏa tam sinh chi hương-hỏa. Thị khởi vô sở thủ ư anh đồ tai ?

Em nay vừa độ giăng tròn, gặp tuần hoa nở, mà yếm trắng giặt hồ, vẫ đi vẫ lại, chỉ mong người nho-sĩ chi yêu-đương. Miệng ong lưỡi yến, uốn éo trăm chiều, cũng mặc giọng thế-gian chi mai-mỉa. Cẩn đối.

(Theo quyển *Quốc-âm thi-văn tập*, sách của Bác-cổ, số A B 109, trang 27a-29a, bản viết).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Có ban viết « Nông cũng như gió rạt chi tôm ».

Đón coi

« *Ai-tư-vãn* » của Ngọc-Hân công-chúa (Sẽ đăng nguyên văn cả bài và chú giải rất kỹ lưỡng).

Các đạo quan binh Bắc-kỳ

của Tân-Lang

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc-học thư-xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-van và văn-chương Việt-han, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dày 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p.80

Giấy bouffant bảo hạng 3p.80— Giấy bouffant bìa vai chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đanh số và có chữ ký cùng lời đề-tặng của ác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá* 0p.50

NGƯỜI LỊCH THIỆP *Giá* 0p.65

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN-HÒE
Giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Tsin—Hanoi

MỚI CÓ BÁN

THẮNG TUẤT

Tiểu-thuyết ủa Trần-Mai-Ninh

Giá 0p.45

Có thêm phần phụ bai « Cái lối văn rườm rà mà trống rỗng đang nhiễu hại ở xứ này » để trả lời những ai đã công kích chúng tôi.

Còn một số rất ít :

NỢ VĂN *phó g-sự của* Lãng-Tử Giá 0p.45

TÔI LÀM XIẾC *giải thưởng Việt-Báo 1940* Giá 0p 38

SẮP CÓ BÁN

GIỎ ĐƯA *tiểu-thuyết của* VỊ-HỒ

TRÊN ĐỒI XIM *tiểu-thuyết của* NG KHẮC-MẪN Giá 0p.50

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ rất đúng đắn của nhà xuất-bản hoặc nghiên-cứu, phê-bình hay nghị-luận.

Nhà xuất-bản « TÂN-VIỆT »

Các bạn và các đại-lý muốn giao-thiệp xin cứ biên thư về
49, Rue de Takou — Hanoi

Khi nào chỗ ở mới sắp đặt xong sẽ tuyên bố lên báo

MỘT CUỘC HÀNH HƯƠNG

(Đi thăm Tức-mặc, quê cũ nhà Trần)

LÊ THANH và TRÚC KHÊ

HÔM nay là mồng một tháng tám ta. Cùng hai bạn Hoàng-quân và Ngô quân với một tâm hồn hoàn-toàn của một kẻ hành-hương đầy lòng tin-ngưỡng, tôi đi thăm Tức-mặc, quê cũ của nhà Trần.

Sáng dậy, thấy gió heo may bắt đầu thổi, tưởng chỉ đem lại một chút hơi thu, không ngờ thêm một phút gió một lạnh thêm, đầy mây đến ngổn-ngang đầy trời. Và đến giờ gặp hai bạn thì trời đổ mưa.

Muốn theo đúng nghĩa thô sơ câu cách ngôn « Mưa buổi sáng làm hài lòng khách hành-hương » chúng tôi nhất định đi.

Một cái áo mưa mỏng và dài, màu tím thẫm, một cái gậy song — chiếc gậy và chiếc áo của con chiên đi tìm đất thánh—tất cả những vật mà tôi phải mang theo.

Con tàu đi Nam đưa chúng tôi đến nơi chóng quá. Chúng tôi tiếc không bắt chước được người xưa với chiếc áo ấy, chiếc gậy ấy, đi bộ, vừa đi vừa đọc kinh...

Từ Nam-định, chúng tôi có thể đi xe tay đến tận nơi, nhưng những xe cao-su tân thời quá, đi như vậy còn gì là màu-sắc của cuộc hành hương trong dự-tưởng của chúng tôi.

Chúng tôi đã phí một quãng đường Hanoi—Nam-định rồi.

Chúng tôi đi đường bộ đến Thượng-lỗi để đi đò.

Thấy trời sầm tối, gió nổi to, Hoàng-quân đồ chừng có bão, nên tỏ ý ngần ngại, đề-nghị nên đi đường bộ cho chắc chắn hơn. Nhưng không được « đa-số » tán thành.

Tôi vào một cái quán nhỏ dựng ở bên đường, ngay bến đò, tìm một ít lương thực cần dùng tức khắc. Rồi chúng tôi xuống đò, « trầy » theo đường thủy « Vĩnh-Trường» một con sông đào nhỏ viền những cánh đồng chiêm.

Với một anh lái đò vạm-vỡ, nét mặt lúc nào cũng bình-tĩnh như một người thượng-cổ, một chiếc thuyền nan chứa được bốn người, chúng tôi bắt đầu lớp thứ hai của cuộc hành-trình.

Trời mây đen xạm, gió thổi mạnh làm dạt những dẫy mùng mọc ở ven sông.

Nhà đò hiểu ý sẽ sẽ như nói một mình : « Năm nào cũng vậy cứ bắt đầu tháng tám, gần đến hội đền Đức Thánh thì trời trở rét. » Có lẽ nhà đò nói có lý, Tôi còn nhớ khi tôi còn nhỏ ở một làng hẻo lánh trên sông Hồng-hà, hàng năm cũng dưới một bầu trời như hôm nay, tôi ra bờ sông tiễn người nhà trẩy đền Kiếp-bạc. Đi bộ, mặc áo dài thắt lưng đỏ đầu đội một cái mâm, một mảnh vải đỏ phủ trên, một bát hương, họ cứ theo con đê to đi mãi ; đi đường thủy họ đem cả lễ vật, bát hương, kiếm cờ xuống thuyền, mặc cho thuyền trôi... Quá thời gian tôi còn văng vẳng nghe tiếng trống khẩu vọng trên sông, thứ nhất là về những đêm khuya ; sao những tiếng trống buồn đến thế...

Cái chương trình của chúng tôi là đi ba nơi : đền Bảo-lộc, chùa Tháp và đền Cố-trạch.

Tức-mặc gần hơn nhưng chúng tôi dành đến lúc về, bảo con đò đưa thẳng tới Bảo-lộc.

Gió lạnh thỉnh thoảng cuốn theo mấy hạt mưa sa bạt ngang trời.

Thuyền hết lách qua những tàu lác cứng, lại lướt vào những khe nhỏ hai bên cây cối um tùm.

Bảo-lộc hiện lờ mờ trong bầu không-khí xám. Trông xa tôi đã nhận được là một ngôi đền dựng trên một địa thế đáng chú ý nhưng hình như thiếu cái gì làm cho một kẻ như chúng tôi phải bâng khuâng.

Chúng tôi đến nơi, cắm thuyền, bước lên đền, cảm tưởng của chúng tôi mỗi phút thêm rõ-rệt.

Lòng hoài cổ của chúng tôi đang tìm nếu không được một ngôi nhà cổ với những xà mọt, dầm rơi thì cũng được một tảng đá, một viên gạch cổ...

Trước mặt chúng tôi cái gì cũng mới cả. Một công trình kiến trúc mang nhiều dấu vết của thời đại mới.

Ngoài cùng mấy ngôi nhà xây móng hình chữ T, bên ngoài ba môn-lâu đội chữ triện, chính giữa hai chữ *Kinh-thiên*, hai bên là *Nam tào* và *Bắc đẩu*. Trên tường hoa lá đắp rất công-phu.

Cũng như ở các đền đài các nơi không mấy cột là không mang một câu đối, nhiều câu hình như mới làm.

Chúng tôi không bỏ một câu nào vì mỗi chữ ở đây, ngoài cái giá trị văn chương lại còn có cái công dụng là gây một bầu không khí của đền đài.

Một câu nôm chúng tôi chú ý nhất :

« Giang-sơn một tấm lòng son, mặc dầu mấy trăm vạn Hồ-binh, ngựa đá, gươm vàng khua sạch nước.

«Hào-kiệt nghìn thu tay trắng, xem thử mười bốn đời đế-nghiệp, nón mưa, tới gió dựng nên nhà. »

Bước vào đền, chúng tôi thấy toàn những son và vàng, chúng tôi gặp ở đây viên thủ - từ và một số người dân làng đến lễ bái. Viên thủ từ dẫn chúng tôi đi xem qua một lượt, từ nội điện đến ngoại điện, chúng tôi chú ý đến một ngai vàng còn mới trong có pho tượng đức Thánh mới tạc, ngồi uy nghiêm dương nhìn về phía xa xa... có vẻ đang bùi ngùi.

Mấy bà già đến lễ. Tiếng chuông nổi lên ngân nga trong bầu không khí đầy hương trầm.

Đấy là tiếng của quả *« an lạc từ chung »* một quả chuông nhỏ nhưng có cái tiếng thanh. Theo người làng cho chúng tôi nghe thì quả chuông đúc từ lâu, cùng với một quả khác lớn hơn.

Có một thời dân làng nghèo quá, đem cả hai quả chuông cầm cho tư-gia, quả lớn mất còn quả con đã bao nhiêu lần cầm đi lại có người trong làng bỏ tiền riêng ra chuộc, để được khắc tên mình trên quả chuông ấy, ghi lấy công việc thành kính của mình.

Theo lời người làng này thuật, nguyên vua Trần Thái-Tôn khi xưa đương khi làm vua cùng với An-sinh Vương Trần Liễu có mối hiềm-khích Trần Liễu khởi loạn Nhưng số người theo ít, đánh đâu thua đấy. Đến bước đường cùng Trần Liễu vứt gươm nhảy xuống thuyền của Trần thái tôn. Trần thủ Độ giơ gươm ra chém, Trần Thái-Tôn đưa mình ra đỡ.

Hai anh em ôm nhau mà khóc.

Về, Trần Thái-tôn phong cho anh ở ấp Bảo-lộc...

Sau khi tham đền thờ vương-phụ, vương-mẫu và vương phi, dựng ngay đằng sau đền chính chúng tôi xuống thuyền trở ra, đi Tức-mặc.

Thuyền đi xa, chúng tôi còn nghe tiếng quả an lạc từ chung ngân như một tiếng than dài gieo vào tâm hồn khách hành-hương một nỗi buồn man mác.

Cả ba chung tôi đều yên lặng.

L T.

●

Ở Bảo-lộc ra, chúng tôi quay về làng Tức-mặc. Tức-mặc là nơi quê hương của nhà Trần, đó là cái mục đích chúng tôi phải đến.

Làng Tức-mặc này sau khi nhà Trần làm vua, trong năm Thiệu-long thứ 5 (1262) đời vua Thánh-tôn, Thượng-hoàng Thái tôn ngự về, ban yến và thưởng tư cho mọi người già cả trong làng, rồi đổi tên làng ra làm phủ Thiên-trường, dựng cung trùng quang để Thượng-hoàng ở, lại riêng dựng ra cung Trùng-hoa để làm chỗ ở cho Hoàng-đế những khi về chầu Thượng hoàng; phía tây cung Trùng-hoa, dựng một ngôi chùa gọi là chùa Phổ-minh; từ đây về sau, các vua Trần khi đã nhường ngôi cho Thái-tử, phần nhiều thường lui về ở cung Trùng-hoa tại phủ Thiên-trường.

Tôi đương ngồi ôn lại trong óc đoạn sử cũ ấy thì con thuyền đã đỗ lại ở gần bên cạnh một tòa chùa. Ngẩng đầu trông lên, chúng tôi thấy trước cửa chùa có một cây tháp cao vòi vọi; người lái thuyền bảo đây gọi là chùa Tháp, tức là chùa làng Tức-mặc. Tôi nghĩ bụng: có thể đây là chùa Phổ-minh của vua Trần dựng ra từ bơn 7 trăm năm trước chăng? Lên đến nơi, quả thấy ba chữ « Phổ-minh tự » ở trên nóc chùa, tôi rất lấy làm cảm-động.

Nhìn thấy tên chùa, tôi trạnh nhớ đến sách xưa vẫn truyền về An-nam tứ khí. An-nam tứ khí là 4 cái khí-vật lớn-lao của nước Nam ta về khoảng đời Lý-Trần: 1· tháp Báo-thiên, 2· chuông Quy-điền, 3· tượng Quỳnh-lâm, 4· vạc Phổ-minh. Nhưng hôm nay, chúng tôi cố nhiên không mong-mỏi gì được vào xem cái vạc lớn ở chùa Phổ-minh này, bởi vì vạc đó đã cùng chung số-phận với chuông Quy-điền, bị người Minh hồi sang lấn cướp nước ta về thế-kỷ 15, hủy ra để đúc súng đạn cự chiến với đức Lê Thái-Tổ.

Chùa Phổ-minh dựng trên một khu đất cao ráo rộng rãi, quy chế của chùa là quy chế thông thường của các ngôi chùa cổ nước ta, không có gì là đặc biệt. Duy trong chùa có pho tượng nằm cỗi trần là đáng chú ý; đó là tượng của vua Nhân-tôn triều Trần. Vua Trần Nhân-tôn sau khi nhường ngôi cho Thái-tử; ngài xuất gia đầu phật, tu trì đắc đạo, tức là vị Tổ thứ nhất trong Trúc-Lâm Tam-Tổ về Phật-giáo ở nước ta (4). Những nơi ngài trác-tích rất nhiều, nhưng chùa Phổ minh ở phủ Thiên-trường này là một. Đến khi ngài viên-tịch, thi-hài do sư Pháp loa đem thiêu-hóa Theo trong sử chép thì xá-lỵ (hài cốt sau khi đốt ra than) của ngài tàng trữ tại bảo-tháp ở am Ngọa-vân xứ Đông, nhưng lại có sách chép là xá-lỵ chia ra táng ở ba tòa bảo-tháp ba nơi mà tháp chùa Phổ-minh là một.

Tháp này cao 13 tầng, là một cây tháp hùng vĩ mà chúng ta ít được trông thấy ở các nơi cổ-sái. Các tầng trên bằng gạch có màu sắc của sự mới tu bổ lại, còn tầng dưới cùng bằng đá, coi những nét chạm trổ có vẻ cổ lắm. Hai bên tả hữu tháp có hai cái bi-đình cũng khá nguy-nga.

Trên ngọn cây tháp, chúng tôi để ý đến một cây đa mọc lên, do chim chóc tha hạt về gieo. Tưởng người ta nên tìm cách nào trèo lên hủy bỏ cây đa ấy, nếu không rễ nó ăn vào, sẽ có ngày làm cho tháp phải nứt vỡ. Ở tầng dưới tháp, có nhiều khách du-quan đem tên họ mình khắc chằng chịt đầy các phiến đá. Thiết tưởng những kẻ ấy thật là có tội, họ đã làm cho nhơ bẩn cái cổ-vật của một chốn danh-lam.

Ở chùa Phổ minh ra, chúng tôi đi về phía đông độ 3, 4 trăm thước tây thì đến miếu thờ các vua Trần. Miếu này người ở đây thường gọi là đền Cố-trạch. Cố-trạch nghĩa là nhà cũ. Phải chăng chỗ đó là nơi nhà cũ của tiên-tổ vua Trần, và cũng là nơi đã lập ra các cung Trùng-quang Trùng-hoa?

Có thể lắm, vì quanh đây đều là đồng sâu, chỉ có chỗ này là khu đất cao ráo. Vả lại đứng đây mà trông thì chùa Phổ minh chính là ở phía tây, đúng như trong sử nói chùa ấy ở phía tây cung Trùng-hoa.

Miếu lập hướng nam. Ngoài cổng lớn trên có hai chữ « Trần miếu », dưới có ba chữ « Chính-nam-môn ». Qua lần cổng ấy vào bên trong đến một cái ao. Bên trong cái ao là một cái sân rộng cỏ mọc rêu trùm, có hai con voi đắp bằng vôi gạch chầu đầu trở vào Hết cái sân ấy tức là miếu-điện. Miếu có ba lớp, trong là

(1) Trúc-lâm tam tổ là Trần Nhân-tôn, Pháp loa và Huyền-quang.

chính điện, giữa là cái đình vuông, ngoài là bái đường. Trong đó có nhiều những biển-hoành câu-đối lộng lẫy son vàng, đây là lời văn của người sau ca tụng công-đức triều Trần, kia là bài thơ của các vua Trần ngự-chế vịnh cảnh Thiên-trường-phủ. Xin trích lục ra đây một ít :

Hạnh Thiên-trường hành-cung

Cảnh thanh u vật diệc thanh u,
Thập nhị tiên-châu thử nhất châu.
Bách bộ xinh ca cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tử hải dĩ thanh, trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thắng tích niên du.

Bài thơ này là một trong mấy bài thơ khắc trên các bức biển-hoành, chỉ đề là thơ ngự chế chứ không đề rõ của vua nào ; tra trong sách *Hoàng-Việt thi-tuyển* thấy đề vào mục thơ của vua Trần Nhân-tôn, nhưng xem trong *Đại-việt sử-ký toàn thư* (quyển V, tờ 58) thì đó là thơ của vua Trần Thánh-Tôn. Đầu đề bài này là « Ngự chơi hành-cung Thiên-trường ». Lời thơ nghĩa là :

Cảnh thanh u vật cũng thanh u.
Trong mười hai cảnh tiên thì đây là một.
Chim-chóc líu-lo như hàng trăm tiếng đàn sáo.
Quít mọc lố-nhố như hàng nghìn kẻ tôi đòi.
Trăng nhàn rỗi soi người nhàn rỗi,
Nước đượm thu in trời đượm thu.
Bốn bề đã trong bụi đã sạch,
Cuộc đi chơi năm nay hơn cuộc đi chơi năm trước.

Bài này vua Thánh-tôn làm sau hai trận đã bình định giặc Nguyên, nên ngài xúc cảm, mới đặt hai câu kết như thế.

Câu đối đề cột

Lưỡng hồi thạch mã đạp Hồ trần,
Nam-quốc sơn hà y cựu.

Thử địa trúc cung lưu Hán tích,
Tiên-châu cảnh vật như tân.

Nghĩa là : *Hai phen ngựa đá đạp bụi Hồ, non sông nước Nam nguyên cũ ;*

Chốn ấy cung trúc lưu vết Hán, cảnh vật gò Tiên như mới.

Nhị bách niên đạo hiệp thuần hy, thi thị Thịnh Đường, văn thị Hán ;

Thiên vạn tải công tồn khảm định, nam chi Lâm-ấp, bắc chi Nguyên.

Nghĩa là : *Hai trăm năm sáng mở đạo thuần hy, thơ sánh Thịnh Đường, văn sánh Hán ;*

Nghìn muôn thủa còn ghi công đánh dẹp : nam thì Lâm-ấp, bắc thì Nguyên.

Ở Trần-miếu đây, chúng tôi không được vào xem trong nội-điện là chỗ đặt khám thờ Liệt Đế, vì thấy có chữ đề nghiêm cấm không ai được vào.

Từ miếu này ra, chúng tôi đi sang phía tả cũng tiếp liền đấy, thăm miếu thờ đức Hưng - Đạo - vương. Nhưng lúc này đã 4 giờ chiều, chúng tôi nghĩ đến việc phải lên Nam-định để trở về Hà-nội kịp chuyến xe lửa cuối cùng, không thể lưu liên mãi nữa. Vì thế miếu đức Hưng-Đạo ở đây, chúng tôi không cung chiêm được kỹ. Đại-khái miếu này chỉ như tòa đình thường mọi làng, nhưng tự khí bên trong cũng lộng lẫy lắm.

●

Ra đến ngoài miếu, tôi đứng ở trước « Chinh-nam-môn », trong lòng lúc này bỗng cảm động bồi-hồi vô hạn. Nhìn từng một ngọn cây, một bờ cỏ, một đợt sóng ở trên ao nước, cái gì tôi cũng tưởng tượng như nó đã từng được thân thấy những lúc võng giá rộn-ràng, xiêm đai lộng lẫy của các đế hậu, các vương công. Cái gì hằn trên mặt đường kia, phải chăng là dấu vết của bánh xe loan? Cái gì loang-loáng trên gương nước kia, phải chăng là phấn vãi hương thừa của các bà tần phi còn lại ? Ngây nhìn một lúc, rồi tôi bất giác phải thở dài một tiếng. Nghĩ lại cái phồn-hoa của một nơi cung phủ, cái oanh-liệt của một triều đế vương thời xưa ở đây, tới nay còn tìm đâu thấy nữa ? Nay người qua viếng, chỉ còn đấy mấy gian đền mốc, tiêu điều ở giữa chốn đồng hoang cỏ rậm, lá rụng trong sương sớm, quạ kêu dưới bóng chiều ! . . .

Công hầu để há trăm năm trắng,
Phú quý công danh một giấc vàng.

Đứng trước cảnh ấy, lại nghĩ đến hai câu thơ này, niềm xúc-cảm của tôi tới đây, còn lấy bút nào mà tả được !

T. K.

Các bạn có đồng-hồ muốn biết cách dùng làm sao cho được bền ?
Các nhà bán đồng-hồ, chữa đồng-hồ muốn hiểu biết thêm về cách sửa chữa đồng hồ, nên đọc sách

MÁY-ĐỒNG-HỒ,

Khảo-cứu kỹ và sưu-tập được nhiều tài - liệu thực - hành rất tốt, do nhà chuyên-nghiệp Ngày-Nam Quảng-ngãi soạn.
Gần 40 hình vẽ, ngót 100 trang giá 0p 50.
Có bán ở khắp các hàng sách và ở tổng phát hành
Hiệu Đông - Tây, 195, phố hàng Bông — Hanoi

Mấy câu tục-ngữ và ca-dao về ngày kỵ vua Lê Thái-Tổ

TRONG quyển *Nghệ-an ký* phần thứ nhất, mục Thiên-chí, nói về thời tiết xứ Nghệ, Bùi-dương-Lịch có chép một đoạn như sau :

« Bát nguyệt, nhị thập, nhị thập nhất nhật, thường hữu vũ. Thị nhat, Lê-Thái-tổ Cao-hoàng-đế kỵ thì, cố vi chi Thái-tổ « kỵ-thì-vũ »

(Ngày 20, ngày 21 tháng tám, thường hay mưa. Vì ngày ấy là ngày kỵ vua Thái-tổ nhà Lê, nên người ta hay gọi là mưa ngày giỗ Thái-tổ).

Hiện nay ở xứ Nghệ còn có mấy câu ca-dao có nói đến ngày giỗ vua Lê.

1) Ham mốt Lê-Lai, hăm hai Lê-Lợi.

Câu này ngày nay người ta thường nhắc lại để nói những đám kỵ-lạp hoặc tế-tự dập-dồn đến phải lo-lắng, bận-bịt hoặc dọn đẹp linh-đình.

2.) Hăm mốt giỗ cha, hăm ba giỗ con.

« Con » đây là vua Thái-tôn. Số là ngày hai mươi ba là lễ tiên-thường ngày giỗ vua Thái-tôn. Bài bia Mục-lăng (1) do Nguyễn-bá-Ký soạn cũng chép rằng :

« Bát nguyệt nhị thập tứ nhật, Thái-tôn hoang-đế đông tuần, tổ vu ngoại »

(Ngày hai mươi bốn, tháng tám, vua Thái-tôn đi tuần về miền đông, mất ở ngoài).

Cũng như câu trên, ngoài ý nghĩa quốc-tế (2) của ngày một ông vua mất, câu này hiện nay người ta thường nhắc lại để kể cái cảnh đau-đớn của một nhà bị tang-tóc chập-chùng.

3.) Trời mưa Thái-tổ, Thái-tông,
Con dắt, con bế, con bồng, con mang.

Câu ca này là kể sự khó-nhọc của một người mẹ khổ-sở vì phải nuôi con đông, và phải làm ăn vất-vả. Có lẽ lời Bùi-dương-Lịch dẫn ra trên đây là bởi câu ca này mà ra, « *Mưa Thái-tổ, Thái-tông* » : chữ *thái-tổ, thái-tông* ở đây mất hẳn ý-nghĩa hiệu vua và thành ra một chữ hình-dung-tự (adjectif) để gọi những trận mưa dầm đặc-biệt trong địa-phương. Ấy cũng là một phương-pháp ghép chữ thông-thường và giản-dị.

Đem những hiện-tượng giời đất mà so-sánh với thân-thế danh-nhân, hoặc ghi nhớ những ký-ức của họ, không phải là một điều lạ lùng của trí tưởng-tượng quần-chúng.

Mấy câu ca trên này đủ chứng chỉ cho ta biết dân xứ Nghệ-an đối với triều Lê vẫn có một mối cảm-tình sâu xa.

(1) *Lăng vua Lê Nhân-tôn.*

(2) *Những tế-lễ quan-trọng có vua, hoặc quan triều đứng làm lễ.*

SÙNG-THANH

Vua Lê Thái-Tổ hưởng thọ bao nhiêu ?

NGÀY 21 tháng 8 ta (1), ngày vua Lê Thái-Tổ thăng-hà.

Ngài thọ bao nhiêu tuổi ?

Về việc này, có hai thuyết khác nhau :

Theo *sử cũ* và *Lịch triều hiến chương, Nhân vật chí* (của Phan Huy-Chú), thì vua Lê Thái-tổ thọ 51 tuổi.

Nhưng trong *Thông-sử* của Lê Quí-Đôn và *Khâm định Việt-sử thông-giám cương-mục* của triều Nguyễn đã cải-chính lại : vua Lê Tổ thọ 49 tuổi. Vì ngài sinh năm Ất-sửu (1384), mất năm Quí-sửu, Thuận-thiên thứ sáu (1433).

Vậy, ngày 21 tháng 8 năm Tân-tị này (1941) tức là ngày kỷ-niệm năm thứ 508 sau khi ngài băng.

H.B.

1) T.T. số 18, trang 9, cột 1, dòng 1, in lầm là «ngày sinh nhật», nay xin sửa lại là «kỵ nhật» cho đúng.

Các vị đã giả tiền báo

(Tiếp theo số trước)

Ô. Ng. v.-Nhiêu Cần Thơ	3 p.	00
Yềm-Yềm Hàtiên	1	43
Hồ-Chử Quảng yên	6	50
Đào văn-Phúc Hòa bình	5	50
Đàm Phú-Thọ	5	50
Ng. hữu-Bàng Quảng nam	2	80
Tô chí-Hền Phong thanh	1	00
Hg. đức-Hanh Xuân lộc	1	50
Ng. khánh-Đám Saigon	37	74
Đỗ Kỷ Tam Kỳ	2	80
Minh Hòa bình	1	39
Trang h.-Nghĩa Bắc liêu	7	07
Tr. v.-Quang Thủ đ. một	1	50
Thăng Bình Cao lãnh	5	64
Huynh tư Hiếu L. xuyên	3	00
Tr. như Tuấn Tuy hòa	1	50
Ng. thế Bình Tinh túc	2	90
Cô Vân ở Thanh hóa	1	70

Còn nữa

Số 9

Thử viết VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Sấm-ngữ tức lời tiên-tri. — Lối này ra bởi những tay kỳ-nhân, đạo-sĩ, cao-tăng, lý-học-gia hoặc anh-hù g, hào-kiệt. Có khi họ có con m' thấy xa, biết trước cuộc đờ' sẽ xoay đến thế. Có khi họ muốn gây phong-trào, tạo thời-thế hay là kiến-thiết một công cuộc tro g đại gì, bèn lợi dụng tâm-lý quần-chúng, đặt ra những lời s m-rgữ, làm cho chuyển-động lòng người.

Câu « *hòa đao mộc* (梨) *lạc, thập bát tử* (李) *thành* » ở đời Lê Ngọa-triều ; câu « *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* » ở hồi Minh-thuộc và những câu sấm-truyền của cụ Trạng Trình đều thuộc về loại này cả.

Đã định nghĩa lối « văn vần tồ truyền » rồi, nay ta thử chia loại ra mà thuyết-minh thêm nữa. Khi làm việc này, ta nên gác những sấm-ngữ ra ngoài vì nó thuộc riêng về lối văn-tự tiên-tri và trí thuật cổ-động. Nhưng chỉ chuyên bàn về ca-dao tục-ngữ... Có thể chia chúng làm năm loại :

1) Trữ tình ; 2) khuyến nghiệp ; 3) kỷ-thuật ; 4) trào-phúng ; 5) phê-bình...

1) Trữ tình. — Có loài người thì có tình. Chữ tình thật mông-mênh, man-mác, bao-quát được cả vũ-trụ. Những cái ta gọi là vui, buồn, mong, nhớ, v. v. đều thuộc về tình cả.

Để tả tình, lối « văn vần tồ truyền » của ta có nhiều câu rất mặn-mà, nồng-nàn, đẹp-đẽ :

Thương chồng nên phải gắng công !
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây ?

2) Khuyến nghiệp. — Nam-Việt trọng nhất nghề nông Dưới áng mây phớt hồng, trên những luống cày lốm-đốm cỏ xanh, chàng nông phu, tay cầm cày, đi theo trâu, thỉnh-thoảng nghêu-ngao vài câu cho khuây-khỏa những giọt mồ-hôi đương chảy qua trán :

Nhất sĩ, nhì nông ?
Hết gạo, chay rông : nhất nông, nhì sĩ.

3) Kỷ-thuật. — Trong lối « văn vần tồ truyền » này, tôi cho thể văn kỷ-thuật là rất có giá trị cho việc khảo-cứu. Chính bác-sĩ Hồ-Thích cũng công nhận kinh Thi là một bộ sách cổ rất đáng tin, vì trong có những bài thơ kỷ sự nói ngày tháng đều phù - hợp với chính sử.

Tám xã ở Tam-đồ-sơn cũng thờ đức Đồng - Thiên Vương. Hằng năm, ngày 10 tháng 8, họ mở hội, có trọi trâu. Khi nghe câu này, ai cũng nhớ tới việc đó :

Nào ai buôn đâu, bán đâu ?
Mồng mười, tháng tám, trọi trâu thì về !

4) Trào-phúng. — Ngày xưa ta chưa có báo chí để mỉa mai những khuyết - điểm và những hành - vi lố - lăng của đời, nên những nhà tri-thức mới dùng ca-dao làm một cơ-quan trào-phúng.

Khi thấy một « nàng » có tài, có sắc, thế mà duyên phận bẩm-hiu, vớ phải anh chồng là hạng dung phu tục tử, không xứng đáng lứa-đôi, phong-nhân liền mỉa mai mát mẻ :

Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng mán, thằng mường nó leo !

5) Phê-bình. — Cũng vì ngày xưa chưa có báo chí để làm lợi khí phê-bình, nên người ta phải dùng đến phương-pháp đặt vè truyền khẩu Muốn ca-tụng những việc làm phi-thường của anh hùng hay chỉ-trích những điều sai-quấy của kẻ vụng dại, phong - nhân đặt lắm câu nhẹ nhàng mà hùng-hồn, mát-mẻ mà thấm-thía :

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không, mà nổi cơ-đồ mới ngoan !

Và :

Vì ai có xống lĩnh thâm ?
Vì ai có quả, có mâm bán hàng ?

Đó là tôi chia đạ' khái các lối « văn vần tồ truyền » ra từng loại thứ như vậy cho dễ nhận xét và tiện việc khảo-cứu thôi, chứ ngoài ra chắc cũng còn nhiều cái biến lệ khác nữa. (*Còn nữa*)

Quảng-cáo vặt
(Mỗi giòng 0p.40)

Cần mua 1 cái máy Radio và một máy ảnh tốt. Viết thơ cho ô. Lê-Thanh báo Tri-Tân Hanoi.

Cần mua 1 xe đạp còn tốt. Hỏi tòa báo.

Ai còn báo Tri-Tân số 4, 5, 10, xin gửi đến tòa báo để đổi lấy số báo mới hay lấy tiền lại.

Tục hát trống quân giữa giai Xuân-cầu, gái Khúc-lộng

NẾU bạn đi ô-tô theo con đường thuộc-địa số 5, tức đường Hà-nội—Hải-phòng, bạn sẽ qua một phố con con cách Hà-nội chừng ngoài hai mươi cây số, đó là Chợ đường cái.

Xuống xe, đi lần vào làng Nhạc-lộc độ nửa cây, bạn sẽ thấy một con sông con có cầu bắc qua mà bên kia ẩn hiện một làng khá đẹp, tên là Xuân-cầu thuộc tỉnh Bắc-ninh.

Xuân-cầu vẫn có tiếng là một làng văn-vật.

Với bộ óc mộc-mạc, dân Xuân-cầu vẫn giữ được nề-nếp cũ trong xóm, ngoài làng.

Quanh năm chăm-chỉ làm-ăn, giai làng chỉ có dịp chơi-bời ngao-du trong cảnh thu đẹp-đẽ. Những đêm gió thu êm, trăng thu sáng, với một tấm lòng hả-hê sau trận phấn-đấu với công-việc nặng-nhọc, giai làng thường thường tìm vui trong thú hát trống quân.

◆

Hát trống quân, một lối chơi rất thanh-nhã mà họ vẫn giữ từ trước đến nay. Hằng năm, cứ đến tháng tám, họ rủ nhau tụ năm tụ bầy để ca hát. Có một điều lạ là không bao giờ họ hát với gái làng, vì gái làng hát không hay và rất kém về món chơi đó, nên họ phải tìm những bạn « đồng thanh, đồng điệu ».

Khúc-lộng, một làng hẻo-lánh cách Xuân-cầu độ ba cây số, sản-xuất rất nhiều « chim họa my » vừa hát hay, lại vi khéo.

Cứ mùa hát tới, giai Xuân-cầu, gái Khúc-lộng lại cùng nhau ca-xướng dưới những tơ trăng mươn-mướt mịn màng, mặc dầu đã nhiều lần làm cho giai các nơi khác đem tâm ghen tị.

Cứ tối đến, lúc trăng thu đã lên, gió mát đã thổi, họ đã xong công việc nhà, thì đôi bên gặp nhau ngay trong « thơ mộng » : chia làm hai đám, lên giọng ca hát véo von... Họ chào nhau một cách rất thân mật, rồi tha hồ tình tự trong phạm-vi câu hát :

Lạ lùng anh mới tới đây,
Thấy hoa thì hái, biết cây ai giồng !

Và, cứ như thế, bên nọ giả lời bên kia rất thú-vị...

Đó là mấy câu hát chơi trước khi vào cuộc cũng như thanh-niên ta chơi mấy quả « ken cờ » trước khi vào bàn ping-pong.

Đùa cười một lúc, bấy giờ họ mới bắt đầu hát đứng đắn. Cẩn-thận lắm, họ xưng danh với nhau trong câu :

Anh là con giai thôn Tam,
Làng anh nhất xã chia làm ba thôn ;
Văn-minh đã nức tiếng đồn... v.v...

Bên gái :

Em là con gái thôn - quê,
Làng em, Khúc-lộng, huyện thì Văn-giang...

Và con dài nữa... Họ kể tất cả các việc trong làng họ. Họ tả cảnh rất đúng bằng những câu văn mộc mạc nhưng lưu loát.

Thế rồi đến tự tình. Họ tự tình giữa công chúng, không một e thẹn, bằng câu hát mà người ngồi nghe tưởng tượng như họ lấy nhau đến nơi rồi. Mà thật thế, họ tự nhiên lắm, họ khuyên bảo nhau như là một cặp vợ chồng thật.

Ví dụ lúc mới tự tình :

Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người,
Một người mười tám, đôi mươi,
Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình...

Lúc mối tình đã kết chặt :

Yêu nhau, tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát sông cũng lội, cửa thập đèo cũng qua.
Yêu nhau, chẳng quản gần xa,
Một ngày chẳng đến thì ba bốn ngày...

Ái-tình đã đằm-thắm như vậy, thì lòng nhớ thương lai-láng bội phần :

Nhớ ai, em những khóc thầm :
Năm thân áo vải ướt đầm như mưa !
Nhớ ai, ra ngần, vào ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ ? bây giờ nhớ ai ?...

Và họ đã quyết khi ái-tình lên cực điểm :

Lòng em đã quyết thi-hành :
Đã cấy thì gặt với anh một mùa.

. . . . . .

Chắc như nhời ấy chớ sai,
Tháng giêng đẵn gỗ, tháng hai làm nhà,
Tháng ba ăn cưới đôi ta...

Rồi khi đến chỗ họ lấy nhau thì

Có con, lo-liệu cho con ;
Có chồng, phải gánh giang sơn nhà chồng...

Họ rất chung tình :

Tay mang khăn gói qua sông,
Mẹ kêu, lạy mẹ ; thương chồng, phải theo...

Cứ thế, họ trao đổi với nhau bằng một giọng rất thân-mật.

Có lúc tưởng-tượng như chàng đi học xa-xôi, bên nữ hát rằng :

Hết gạo thì thiếp gánh đi,
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao.
Hỏi thăm đến ngõ thì vào,
Tay cất gánh gạo, miệng chào « bông soa »...

Giờ này sang giờ khác bằng những câu hát ứng khẩu, bắt vần rất khéo, họ ngồi đối diện nhau có khi tới sáng, không một nhọc-mệt.

Hát như thế phần nhiều là họ hát chơi. Nhưng cũng một đôi khi có người ưa nghe, gọi vào trong sân nhà mình, treo giải để kích-lệ họ hát. Trong trường-hợp ấy, đôi bên nam nữ ganh nhau trổ tài, hát hết đêm này qua đêm khác cho đến chừng nào một bên không đối-đáp được, thì phái thắng sẽ giật giải, bấy giờ mới là « chung kết ».

Giọng trầm bổng còn dư âm... Trăng đã lặn và bình-minh đã ló. Họ đứng dậy cáo từ nhau với mến-tiếc nhớ-nhung. Lúc ấy, nếu bạn hỏi xem họ có mệt không, thì họ sẽ vui-vẻ trả lời : « Không, chúng tôi chẳng những không thấy mệt, mà lại còn khoan-khoái là khác nữa... »

Hát ánh trăng : một dịp giúp cho văn-chương bình-dân được phát-triển !

Ca đêm vàng : một cuộc bày-tỏ tâm-tư, trao đổi tình ý của nam nữ ở sau lũy tre xanh !

ANH-NGẦU

TÙY HỨNG

Giăng soi mộ-địa

Khói tỏa ướp hương âm-khí lặng,
Giăng mờ soi huyệt ảo-quan không.
Mả mới xông ra mùi chết nặng,
Đất đào còn lại mảnh gương trong.

Thâu đêm nhân-loại say-sưa ngủ,
Đáy mộ côn-trùng yến-tiệc vui.
Kẻ thác trơ xương yên-tĩnh đó!
Người còn đồ máu cạnh-tranh hoài!

Thế-giới sống mà như chết nhỉ:
Coi thường phần xác, trọng linh-hồn,
Có lẽ văn-minh, nguồn tuyệt-mỹ,
Rực-rỡ đời đời khắp núi non!

Em ước yêu nhau, tình vĩnh-viễn?
Đưa tay anh dắt tới tha-ma,
Ngỏ cùng thiên-cổ răm câu chuyện,
Dưới ánh mơ-huyền chiếu cỏ hoa.

Chỉ những ai tiêu da thịt hết,
Mới hiểu tình yêu sống mãi thôi!
Họ biết thế nào là bất-diệt,
Họ không phải chết nữa, em ơi!

H. MINH - TUYỀN

●

Văn thơ đời Trần

Đời Trần chẳng những có những bậc danh-tướng như Trần Hưng-Đạo đánh đuổi quân Mông-cổ, lập nên những chiến-công rực rỡ, làm vẻ vang cho lịch-sử Đông-Á, mà còn bao nhiêu những bậc danh-nhân có những áng văn-thơ kiệt-tác, truyền tụng đến bây giờ. Xin trích dịch theo đây ít thơ của các danh-nhân đời bấy giờ, cho biết nước ta chưa triều-đại nào cả văn-sự, võ-công được toàn thịnh như đời Trần vậy.

Cảnh chiều hôm

Không thúy phù yên sắc,
Xuân lam phát thủy văn.
Tường ô đề lạc chiếu,
Dã nhạn tống qui vân.
Ngư hỏa tiền khê hiện,
Tiều ca cách ngạn văn.
Lữ nhân sầu lãnh lạc,
Tá tửu tác vi huân.

MẠC-ĐĨNH-CHI

Dịch nôm:

Trên không khói nổi xanh xanh,
Nước xuân sóng gợn lăn tăn bóng chiều.
Đàn tường, ác lặn, quạ kêu,
Ngoài đồng, chim nhạn bay theo mây về.
Lửa chài le-lói bên khe,
Cách sông văng-vẳng xa nghe giọng tiều.
Buồn trông quán khách dìu hiu,
Tàng-tàng mượn chén nửa chiều như say...

THI - NHAM dịch

Khắc đá núi Thúy-sơn

Sơn sắc chinh y-y,
Du nhân hồ bất qui?
Trung lưu quan tháp ảnh,
Thượng giới khải nham phi.
Phù thế như kim biệt,
Nhân thân ngộ tạc phi.
Ngũ hồ thiên. địa khoát,
Hảo phỏng cựu ngư ky.

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

Dịch nôm:

Xanh xanh sắc núi còn nguyên,
Khách du sao vẫn lửng quên chưa về?
Giữa giòng bóng tháp trăng kề,
Khoảng trên cửa động mây che mở dần.
Trải qua một đam phù vân,
Ngày nay mới biết tấm thân an-nhàn.
Năm hồ trời đất mênh mang,
Vòm câu thuở trước hỏi han thế nào?

THI-NHAM dịch

●

Say-sưa

Ai say thoang-thoảng hương yêu?
Ai buồn nghe tiếng sương chiều nhẹ rơi?
Ai ngây nhìn liễu tả-tơi,
Buông dài mái tóc bên đồi cao cáo?
Chờn-vờn trúc ngả bên ao,
Một con chim nhỏ bay vào trong sương...
Vi-vu gió thở lời thương,
Cành nghiêng dả lá, cây vương bóng chiều.
Hoàng-hôn tịch mịch, cô liêu,
Nhớ-nhung gửi tiếng sáo diều vọng đưa.

ANH - ĐỘ
(Hongay)

TÌNH-hình quân-sự ở Nga với sự thắng-lợi của Đức có thể có ảnh-hưởng đến ngoài Âu-châu

Vì tình hình đó mà các giới ngoại-giao cho là thái-độ Nhật-bản đối với Hoa-kỳ càng thêm cứng-cỏi.

Cuộc đàm-phán Nhật-Mỹ, bắt đầu từ 6 tuần lễ nay, đã qua nhiều thời-kỳ khác nhau. Và với tình-thế hiện-thời, sẽ khó g có kết quả tốt đẹp. Hoa-kỳ, Anh, Ấn-độ Hà-lan đã định không bán dầu-hỏa cho Nhật-bản nữa.

Tại Manille, Mỹ và Anh đương nghiên-cứu các vấn-đề phòng-thủ Thái-bình dương

Mà nhất là lại Tân-gia-ba, hai nước Anh-Mỹ rất noạt-động. Các đoàn đại-biểu-niện đương xét rất kỹ-càng các vấn-đề có quan-hệ đến miền Mã-lai.

Tân-gia-ba là một quân-cảng ở doi đất Mã-lai, làm then khóa cho Anh trong sự giao-thông Thái-bình dương với Ấn-độ dương, lại vì địa-thế gần các thuộc-quốc Anh và thuộc-địa Hoa kỳ, nên có quan-hệ mật-thiết đến sự mất còn của các đất-đai ấy. Vì vậy, từ ngày khởi cuộc chiến-tranh, Anh, Mỹ luôn luôn lo tăng lực-lượng phòng-thủ Tân-gia ba.

Tân-gia-ba, tuy địa-thế hẹp-hòi, nhưng có nhiều cơ quan quân-sự khiến các dân-tộc, các ngoại-giao-giới, các nhà quân-sự hoàn-cầu phải luôn luôn chú-ý.

Muốn biết lại sao Tân-gia-ba có một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế, trước hết tưởng nên thuật lại lịch-sử và địa-thế một thị-trấn đã tiến một cách mau-chóng trong một thời-gian rất ngắn để được có ngày nay.

Ngày 6 Février 1819, ông Stamford Raffles, đại-diện Chính-phủ Anh, sau khi chiếm cứ Java và giao trả cù-lao ấy cho Hà-lan, bèn cắm cờ Anh trên đất Tân-gia ba khi ấy còn là một cái đảo hoang-vu. Có nhẽ trong khi lưu-nhậm tại Java, ông đã xét tới cái giá-trị của đảo Tân-gia-ba về phương-diện thương-mại và quân-sự, một cái giá-trị độc nhất vô song của một cái đảo vô chủ, ai nhanh chân thì chiếm được trước.

Tân-gia-ba (Singhapura = thành phố sư tử) xưa đã từng có một địa-vị quan trọng trên thương trường, sau vì Mã-lai ngày thêm phồn-thịnh, nên bao nhiêu quyền-lợi dồn cả về Mã-lai, mà Tân-gia-ba trở lại điêu-tàn.!

QUÂN CẢNG

Năm 1819 đảo Tân-gia-ba chỉ có 200 dân chài lưới, cày cấy ruộng đất sinh nhai.

Quanh vùng Mã-lai có nhiều vịnh làm sào huyệt cho quân cường đạo. Giặc bể Mã-lai rất lợi hại ngày tháng tung hoành trên mặt bể, sống trong các thuyền gỗ to, rộng, bơi nhanh như tên, để đi bóc lột các thuyền qua lại. Các chiến thuyền có khí giới qua vùng ấy không phải quan ngại cho lắm. Nhưng các thương thuyền không phòng bị lui tới miền ấy đều gặp sự rủi-ro không sao thoát được tay giặc bể, nhất là trong thời kỳ bể lặng, sóng yên! Thuyền giặc từng đoàn bơi lại, áp mạn tàu, giặc cầm dao nhảy lên tàu, cướp của, giết người một cách tàn-nhẫn. Giặc đã tinh-nhuệ mà số lại đông, nên quả bất địch chúng, thuyền buôn không sao chống lại được.

Dân số thưa ít, ở rải-rác trong đảo. Tân-gia-ba có lắm rừng ẩn các ác-thú. Eo bể ở giữa Tân-gia-ba và xứ Djohore chỉ rộng 400 thước tây; nên các giống thú như hổ, báo, lợn rừng, hay các hiêu, nai và súc-vật khác có thể bơi qua được,

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn - trung - Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) Chuyện Phật đời xưa kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thú vị, *giá 1p.00;* 2·) Du lịch xứ Phật thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; Pháp-giáo nhà Phật luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p.10*; 4·) Na-Tiên Tì kheo kinh tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đa với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80.* Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ: M. Đoàn-Trung-Còn
143, Rue de Louvain, Saigon

TÂN-GIA-BA

Trong bao nhiêu lâu, Tân-gia-ba vẫn bị hồ báo tàn phá.

Nhưng hải-cảng mở mang rất chóng. Nhờ có địa thế thuận lợi, ở trung tâm các vùng phồn thịnh, ở đầu doi đất Á châu về phương nam, Tân-gia-ba chiếm một địa vị quan trọng trên thương trường. Tân-gia-ba là một địa-lợi cho sự mậu-dịch. Bao đường vận tải đều qua Tân-gia-ba, các tàu buôn các nước đều dừng trong hải khẩu Tân-gia-ba, lấy hàng-hóa trao đổi các hóa-phẩm, trước khi lên đường đi các ngả.

Năm 1824, Công-ty Ấn-độ đưng mua đảo Tân-gia-ba của vua xứ Djohore là người có quyền sử-hữu, với một giá 60.000 bảng Mã-lai và một trái-phiếu 24.000 bảng Mã-lai. Năm 1867, đảo Tân-gia-ba thuộc quyền Anh-hoàng bảo-hộ, được tổ-chức thành một thuộc-địa trực-trị, một thuộc-quốc Anh trăm phần trăm.

Năm 1891, dân-số lên tới 185.000 người (121.000 Hoa-kiều, 36.000 Mã-lai di-cư đến đảo, 16.000 Ấn-độ). Lại thêm 12.000 kiều-dân các nước Âu-châu. Dân-cư tuy đông-đúc, nhưng vì Tân-gia ba là một thị-trấn buôn bán sầm-uất chỉ làm nơi tạm-chú cho kiều-dân các nước, nên số phụ-nữ không được một phần tư số đàn ông, mà trẻ con cũng rất ít. Kiều-dân đủ các giống người, ước tất cả người 25 nước.

Hiện nay, hải-khẩu to nhất thế giới, thường nhật có hàng triệu thương-thuyền hay chiến-thuyền và hàng vạn thuyền bản-xứ lui tới và lưu-chú.

Xứ Mã lai, Java và Xiêm ngày một phồn-thịnh, sự giao-dịch giữa Âu-châu và Viễn-Đông càng thêm phát-đạt. Các mỏ thiếc khai-thác, việc canh-nông khuếch-trương, cao-su sản-xuất ra nhiều, các công-nghệ ngày một mở mang, làm tăng giá-trị quân-cảng về mặt kinh-tế. Các công cuộc vĩ-đại của nước Anh, nhờ sự giúp-đỡ của các xứ Ấn-độ, Mã-lai, Úc-châu về mặt kinh-tế đã kiến-thiết Tân-gia-ba thành một chiến-lũy thực rất kiên-cố lại hoàn-bị nhất hoàn-cầu.

Cuối năm 1940, dân số có 760.226 người tại thành-phố Tân-gia-ba. Trong số ấy, có tất cả 4.400 người Âu, không kể số quân-đội Anh và bản-xứ khi thăng, khi giáng tùy theo tình-thế.

Thế là mới trong khoảng 122 năm, từ con số 200, dân đảo Tân-gia-ba đã lên tới 760.000 người.

Sự tiến bộ của quân-cảng được mau chóng như thế, là nhờ địa thế rất thuận-lợi về kinh-tế cũng như về quân-sự

Rồi đấy thời-thế đổi thay, nếu cuộc chiến-tranh lan rộng tới miền Đông Á, chẳng hay quân-cảng Tân-gia-ba có còn giữ được nguyên-vẹn nên thịnh-vượng để ra ngoài lẽ thường của Tạo-hóa : hữu hình tất hữu hoại ? . . .

NHẬT-NHAM

SỬ-LIỆU SỐNG

Lội xuống biển khơi, cứu vua Tự-đức thoát hiểm

TRIỀU Tự-đức (1848 - 1883), có ông Viêm (không nhớ họ gì, không nên nhầm với ông Khâm-sai Hoàng Kế-Viêm) có sức khỏe và can đảm, lúc mới xuất thân, làm lính canh Ngọ-môn.

Một ngày, có cô con gái gánh hai gánh bún nặng đi qua, hỏi ông : « Cậu có mua bún không ? » Ông giả nhời : « Tôi không có tiền. Nếu có bán chịu cả gánh thì tôi mua ? »

Thấy cậu lính ỡm ờ, cô hàng giả nhời : « Nếu cậu ăn hết gánh bún, tôi sẽ lấy cậu làm chồng ».

Ông bảo đặt gánh xuống, rồi chỉ một lúc ăn hết cả gánh. Cô hàng không biết nói sao, đành về thú thực với cha mẹ và lấy ông Viêm (sau được phong Nhị-phẩm phu-nhân).

Một hôm, đức Dực-tôn ngự long-thuyền ra chơi cửa bể Thuận-an. Ông Viêm cũng là lính hầu trong thuyền ngự. Rủi khi ấy ngoài bể nổi bão lớn, long-thuyền bị đứt giây ràng với các thuyền khác, rồi bị đánh bạt ra khơi. Tình-thế rất là nguy hiểm ! Đức Dực-tôn và các quan tùy-giá đều cuống quít... Ông Viêm nhanh trí khôn, cởi ngay áo ngoài, nhảy xuống bể, buộc một cái chão lớn vào thuyền rồng. Rồi mặc dầu sóng, gió, mưa, bão ông hết sức lôi long-thuyền giở lại để nối đầu giây với các giây mà hàng trăm tên quân-sĩ ở trên bờ ném xuống để cứu thuyền rồng. Nhờ ở sự can đảm và sức mạnh của ông, vua Dực-tôn cùng các quan đều được thoát hiểm.

Vì ông có công cứu giá ấy, nên đức Dực-tôn rất yêu quý, thăng ngay lên chức Thống-chế và cho theo hầu ở bên tả hữu.

TIÊN-ĐÀM

Bàn thêm về việc phải có bằng-cấp thể-dục mới được vào làm các sở công, tư

ĐẠO nghị-định quan Toàn quyền DECOUX vừa ban bố, buộc những người thi vào các công hoặc tư sở phải có tấm bằng thể-thao. Tấm bằng đó cũng can-hệ như những tấm bằng về học-lực, và sẽ bắt đầu thi-hành từ juillet 1942

Ta có thể mừng và hi-vọng từ nay những bộ ngực lép kẹp hoặc những bộ mặt xanh-xao ủ-rũ sẽ dần dần mất đi, để nhường chỗ cho thân hình vạm-vỡ với vẻ mặt đầy tươi sáng của các thiếu-niên khỏe mạnh.

Nhưng đạo nghị-định đó có thể chưa được hoàn-toàn nếu một khi sự thi-hành không được triệt-để. Nếu cứ căn-cứ vào tấm bằng đó không thôi, thì chỉ sợ sau khi những viên chức được vào làm rồi, sẽ có thể nhãng bỏ mà không chăm thể-dục nữa. Nếu như thế thì đó là một khuyết điểm lớn.

Tôi đã được biết rất nhiều thiếu-niên khi còn là học-sinh thì ngày nào cũng tới hội SEPTO tập dượt rất chăm-chỉ. Nhiều người lại đến tập cả hai buổi để lo tu-dưỡng cho sức khỏe. Trông họ tập, ta có cảm-tưởng là không có sức gì có thể ngăn-trở tới sự ham-mê thể-thao của họ được. Nhưng đến lúc họ đã tìm được một chỗ làm ở một sở nào rồi, thì thường không thấy đến các sân vận-động nữa.

Không phải họ bận việc mà không có đủ thì-giờ để tập dượt đâu, vì sự tập-tành đó có lâu là bao, chỉ phải bỏ độ 15 phút hay nửa giờ một ngày à đủ lắm rồi.

Nhưng người ta đã tìm thấy những chàng thanh-niên đó ở những xóm yên-hoa hoặc ở những canh đỏ đen thâu đêm suốt sáng Họ nghĩ rằng một khi có tiền thì phải chơi khác đời học-sinh. Thể-thao, lúc đó, đối với họ, không còn có nghĩa gì nữa!

Những bắp thịt với bộ ngực nở-nang chỉ trong một thời-kỳ rất ngắn sẽ xa bỏ những chàng thanh-niên đó vì những cuộc chơi-bời phung-phí sức khỏe lẫn tiền-tài.

Một khi tâm-trí đề vào những chốn chơi-bời trụy-lạc, sức khỏe ngày một suy-đồi, thì họ sao hay làm tròn được bổn-phận một người cha hay một người dân nữa?

Vậy, Chính-phủ nên hằng năm sát hạch lại sức khỏe của các viên-chức bằng cách bắt ôn lại những môn thể-thao cần-thiết. Ví dụ: năm họ thi lấy bằng phải nhảy xa 4 thước hoặc chạy 800 thước thì những năm sau, Chính-phủ chỉ bắt nhảy độ 3 thước rưỡi, hay chạy 600 thước mà thôi.

Rồi lấy các điểm thể-thao cộng với số điểm làm việc, tựa vào đó mà cho ăn lên, hay tư thăng phẩm-hàm. Có như thế, mới khỏi uổng công của Chính-phủ săn-sóc tới sức khỏe của nhân-dân và các viên-chức mới chịu lúc nào cũng chăm-nom, bồi-bổ, giữ-gìn sức khỏe.

Và sau, chúng tôi mong Chính-phủ nên cho lập ngay những sân vận-động ở ngay các công sở và tư sở (như ở sở Đốc-lý, và sở Hỏa-xa Vân-nam Hanoi) để cho những người làm có thể tập dượt một cách tiện-lợi được. Như thế họ không còn đồ tại thiếu thì-giờ và sân vận-động.

HOA-NAM
Phan-kỳ-Nông

Đón coi

« Thắng hẳn mình, rồi tự nhiên thắng người »

của Dương đức-Hiền

Xuân Nhâm-ngọ (1942)

Số đặc-san « Trần Hưng-Đạo » được kết quả rất mỹ-mãn. Đó là nhờ các bạn cộng-tác đã hết lòng giúp đỡ và các bạn độc-giả đã nhiệt liệt đoái yêu. Tri-Tân xin trịnh-trọng cảm tạ.

Để đáp lại thịnh tình của mấy nghìn độc-giả thân yêu, Tri-Tân định sẽ lại ra một số đặc-san nhưng đổi món: *đặc-san về « Xuân Nhâm-ngọ »* (vào dịp tết Nguyên-đán này). Trong đó, các bạn sẽ thấy những công-phu của sự khảo-cứu, lạ lùng của cách trình bày, đẹp đẽ của thơ ca, đặc-sắc của bài vở, nói tóm, giá-trị của một tác-phẩm khác thường.

Muốn cho có đủ thì giờ làm việc, Tri-Tân phải bắt tay sửa soạn dần dần từ bây giờ.

Mong rằng các bạn xa gần vui lòng hưởng ứng. Nếu có tài-liệu gì hay, xin làm ơn cứ gửi dần đến cho Tri-Tân để ta cùng nhau làm thành-tựu một công-trình vĩ-đại.— T. T.

Rao:

Bản-chí hiện nay, những số 4, 5, 10 đều hết cả. Có nhiều ngài hỏi mua Tri Tân từ đầu, nhưng bản-chí rất lấy làm tiếc vì thiếu hẳn mấy số ấy. Vậy ngài nào có những số trên (4, 5, 10), nếu không muốn giữ, thì làm ơn gửi đến cho nhà báo, bản chí sẽ đáp lại bằng cách đổi trả T. T. số mới. Đa tạ trước.

Về số đặc san Trần hưng Đạo, có nhiều ngài viết cho bản-chí hỏi mua lẻ. Bản-chí xin trả lời chung rằng: Hiện giờ, ở nhà báo, số đặc-san ấy đã hết và ở các hàng sách cũng chỉ còn ít thôi. Vậy xin các ngài hãy vui lòng nán chờ xem các đại lý có còn thừa thì bản-chí sẽ gửi đến các ngài sau. — TRI-TÂN.

Những người Pháp, công-thần nhà Nguyễn

NGUYỄN - TRIỆU

ĐỜI nhà Nguyễn trung hưng, còn một số nhiều những công thần là người Pháp mà xưa kia đức Cao-hoàng đã trọng dụng trong khi chinh-phạt.

Sau khi chiến thắng Tây-sơn, nhất thống Nam Bắc, những công-thần người Nam đã quá-cố, phần thì được liệt tự vào miếu Trung hưng công thần, miếu Vọng-các công-thần hay miếu Hiển-trung; phần thì được tòng-tự vào Thái miếu. Còn các công-thần người Pháp? Ngoài Mạn-Hoè (Manuel) (1) có tên ở đền Hiển-trung tại Saigon (2) và Cha-Cả có lăng ra, ta không thấy còn chút gì để kỷ-niệm họ và trong những sử sách của ta cũng không có biên chép gì đến!

Cũng là một cách kỷ-niệm và muốn cho quốc-dân biết đến những công thần Pháp, tôi hết sức sưu-tập tài-liệu, viết thành tiểu-sử họ, lần lượt đem cống hiến cho các độc-giả yêu dấu của Tri-Tân.

Kể ra thì hồi bấy giờ, những thủy quan, kỹ-sư cùng pháo thủ do đức thày Bá-đa-Lộc tiến-cử lên chúa Nguyễn-Ánh có tới 369 người nước Pháp (3) toàn là những thủy-thủ trên các tàu: *Astrée*, *Subtile*, *Meduse*, *Dryade*, *Venus*, *Révolution*, *Pandour*, *Mulet*, *Marsouin*, *Ducde-Chartres Dromadaire* và *Nécessaire* thường khởi hành từ Brest hay Lorient sang Viễn-đông tới Manille hay Áo-môn. Nhưng, tính ra, ngoài con số 369 người vừa kể ở trên, lại còn một số nữa, tức là những thủy-thủ ở các tàu *Ariel*, *Flavie* bị giải-giáp ở Áo-môn. Số thủy thủ ở trên hai tàu đó sợ người Anh bắt, nên về cả Nam-kỳ, phò chúa Nguyễn. Trong đó có J. B. Chaigneau (Nguyễn-văn-Thắng).

Ngót 400 người nước Pháp phò giúp chúa Nguyễn từ năm Kỷ-dậu (1789) đến năm Nhâm-tuất (1802) là năm chúa Nguyễn đăng quang, chỉ còn ở lại triều Nguyễn năm ba người. Ấy vì bấy giờ chúa thiếu-thốn, nên lương bổng cấp cho các Pháp quan không được sung túc và cũng vì thủy thổ bất phục, nên họ ốm, chết và bỏ đi gần hết. Ta chỉ có thể biết được gần hai chục người còn ở lại nước Nam.

Về tiểu-sử những người Pháp có liên-lạc nhiều với ta như *Philippe* Vannier (Nguyễn-văn-Chấn), J. B. Chaigneau (Nguyễn-văn-Thắng) hay De Forçant (Lê-văn-Lăng), ta còn có thể nhặt-lượm được ít nhiều tài-liệu. Còn nhiều người bỏ đi từ trước hay mất sớm thì ta không thể căn-cứ vào đâu mà biết hơn được.

Tiểu-sử những công-thần người Pháp còn ở lại nước ta đến đời Minh-mạnh, tôi đã thuật hết trong những số Tri-Tân trước. Nhưng xét ra bấy còn hơn mười người nữa (4). Vậy nay tôi xin giới-thiệu dần với các quý độc-giả:

Barisy (? — 1802)

Thời bấy giờ, ta quen gọi tên là ông Mân. Còn gốc-gác ở đâu, không thấy sử sách chép đến. *Barisy* cùng tới nước Nam với đức thày Bá-đa-Lộc vào năm Kỷ-dậu (1789) (5). Đức thày ủy cho ông việc tổ-chức các quân-đội và vận-tải binh lương. Ông Mân lĩnh chức Khâm-sai thuộc-nội Cai đội quản tàu *Loan-phi* và thường phụng mang đi khắp từ Malacca sang Ấn-độ bán gạo đổi lấy quân-nhu và súng đạn, đem về cho chúa Nguyễn. Ông được phong tước là Thành-tín hầu.

Con gái ông là cô Hélène Barisy, năm 17 tuổi, lấy J. B. Chaigneau làm kế-thất. Lễ cưới làm tại nhà thờ Phủ-cam ngày 6 Décembre 1817. Người làm chứng là De Forçant (Lê văn Lăng).

Năm Gia-long nguyên-niên (1802), Barisy mất tại Huế, táng ở đâu và mất về bệnh gì cũng không thấy sách chép.

Théodore Le Brun

Tình-nguyện đăng xuống tàu *La Vénus* ở Brest ra đi ngày 28 Juin 1785, đến năm 1788 thì tàu bị nạn đắm trong vũng bể Persique hay miền duyên-hải Phi-châu (6).

Sau khi ấy, Le Brun về được Lorient, sang tàu *La Meduse*, lại ra đi ngày 27 Décembre 1787.

Le Brun ốm, lên dưỡng bệnh tại nhà thương Pondichéry ngày 28 Juin 1788, đến 28 Août

Thống chế Pétain đã nói

« Hỡi chủ-nhân, thợ-thuyền các hạng ! chúng ta hãy sẵn lòng quên về gia thế, đẳng cấp cùng sự chia rẽ ngày xưa. Chúng ta hãy nêu một tấm gương sáng về hợp tác. Chúng ta đồng tâm, đồng chí, cộng lực để đi đến một sử tổ chức nghiệp đoàn, đáng góp mặt trong một nước Pháp canh-tân. »

thì ra nhà thương, rồi đi luôn Áo-môn vào ngày 15 Janvier 1790. Đoạn, về phò chúa Nguyễn, làm kỹ-sư từ đấy. Bản đồ thành Sài-gòn hồi đó là chính tay Le Brun họa kiểu (7)

Bấy giờ Le Brun lĩnh chức Khâm-sai Cai-đội, tước Thạnh-oai hầu.

Song Le Brun cũng không ở lâu với chúa Nguyễn, là vì không thích làm việc dưới quyền *Victor* Olivier, tuổi ít hơn và chức phận trước sau cũng kém hơn, nên đến năm Tân-hợi (1791), từ chức, bỏ về Áo-môn, rồi từ đấy không thấy tin - tức gì hết.

(còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

(1) Xem Tri-Tân số 9, trang 17.

(2) Xem Tri-Tân số 15, trang 20

(3) Alexis Faure Mgr Pigneau de Béhaine p. 248.

(4) B.A.V.H, 1917 H. Cosserat — Les Français au service de Gia-long. p p. 166-176.

(5) L. E. Louvet, Mgr d'Adran p. 235

(6) Alexis Faure Mgr Pigneau de Béhaine, p. 241.

(7) Souvenirs historiques de Saigon et ses environs par Trương-Vĩnh-Ký, p. 9.

TIN VẮN HẰNG TUẦN

Đông-dương

Đạo luật và sắc lệnh 3-10-41 đại-khái nói rằng quan Toàn - quyền Đông-dương được quyền miễn là có xin phép trước bộ Thuộc-địa ra lịnh bắt đem đi ra khỏi nơi họ ở, những người có hại cho việc trị an và trật tự trong xứ.

Những nhà cầm quyền miễn là có xin phép bộ Thuộc-địa, cũng có quyền cấm những người ấy vào những nơi mà hễ có mặt họ thì có thể sinh ra những vụ lôi thôi lộn xộn.

Những nhà cầm quyền cũng có thể, do nghị-định gửi cho quan Tổng-trưởng phê-chuẩn, bắt buộc bất cứ người dân Pháp, thuộc-dân hay dân Bảo-hộ nào không có gia-quyến ở trong địa-phận ấy đã lâu quá 10 năm, phải lập tức từ giã địa phận ấy, khi những hành-vi của họ có thể rối cuộc trị-an và trật tự.

Người nào đã bị đem đi nơi khác, nếu không được phép mà lại lẻn trốn về miền bị cấm, sẽ bị phạt 100 000 quan và bị tù từ 1 tháng đến 1 năm.

Những kẻ có lịnh bắt phải từ giã một địa phận, mà trốn tránh không tuân cũng sẽ bị trừng phạt như vậy.

Nghệ-an và Hà-tĩnh bị một trận bão rất lớn : Nhiều tổng bị nước ngập đến nóc nhà ! Hàng trăm súc vật bị trôi ! Mùa màng mất !

Quốc-tế

Quân Đức đánh rất mạnh vào các nơi bên Nga. Về mặt Viazma, quân Đức đã đến Mojaisk, cách Moscou 80 cây số. Nga báo thắng lợi ở Leningrad. Đức báo đánh tan quân Nga ở bờ biển Azov.

Anh phá một đoàn tầu của Ý.

Tình-thế ở Moscou tuy nguy ngập, nhưng dân vẫn yên, các sứ-quán vẫn đóng nguyên ở đó. Quân Nga đã mất lại lấy được Viazma. Đức phải bỏ Mojaist gần Moscou. Tại mặt Orel, Nga đánh lui Đức bốn trận. Đại-đội máy bay Anh sang đánh Đức. Đức đánh Hull và Manchester bên Anh.

Về cuộc đàm-phán Nhật Mỹ, cả Mỹ lẫn Nhật đều không có ý cự tuyệt.

Theo dư-luận các báo Nhật, thì hiệp-ước tam-cường vẫn là căn-bản của chính-sách Nhật. Sứ-thần Nhật ở Bangkok về nước, nhưng việc giao-thiệp với Thái-lan không thay đổi. Một chiếc tàu ngầm Nhật mắc nạn bị đắm.

Có tin Tàu lấy lại được Nghi-xương nhưng Nhật cải chính.

Thống-chế Pétain đã đọc diễn-văn ở lớp học Périguy (Allier) cho các học-sinh nghe

Mỹ nói mới gửi nhiều chiến-cụ cho Nga. Dư-luận Mỹ vẫn lạc quan về việc Nga kháng chiến, tuy chắc Moscou sẽ mất. Thụy-sĩ bị phi-cơ la ném bom.

Hộp thư

Ô. Ngô tiến Đức Yên lập. — Ông mua cho cả 5p.50 timbres postes rồi gửi recommandé cho là được. Bạn N N. ở số nhà 38 voie 104

Ô. Trương trọng Ngọc, Đồng mỏ. — Đã gửi số 16, 17, 18 rồi.

Ô. Ng. thế Bình Tĩnh - túc. — Có tiếp được mandat 2 p. 80. Báo đã gửi từ số 18.

Ô. Lê khắc Điểm, Đồng hới. — Ngài gửi nốt cho 2 p 50 nữa, sẽ xin gửi từ số 1.

Cô Giao Anh, Saigon. — Số 13 có gửi mà! sao bây giờ cô mới cho biết. Đã tiếp được mandat của cô trả tiền cho 3 vị độc giả mới. Xin cảm ơn cô lắm.

Ông Phạm hữu-Khánh (Hà-nội). — Muốn cho hợp với đầu đề, bài ông để lại vào một số xuân.

Ông Trần cảnh-Hảo (Qui-nhơn) và ông Vũ văn-Lễ (Quảng-yên) — Đã nhận được bài. Xin cám ơn. Sẽ đang.

Cùng các bạn muốn đọc bài « Ai-tư vấn » của Ngọc Hân, Sẽ đăng toàn bài.

Nghiên-cứu và bình-luận về

THƠ TỰ DO

Số 3 LÊ-THANH

Duy nhất về âm-nhạc, về ý-nghĩa, về thị-giác

LUẬT thơ cổ-điển không cho một ý thơ đi từ câu trên xuống câu dưới; hết một câu là người ta có thể ngừng đọc mà có đủ ý-nghĩa. Đến thời-kỳ văn thơ lãng-mạn phát-triển, luật ấy không được trọng nữa. Người ta làm những câu thơ ngắn dài tùy theo ý định trước, nhưng hễ gặp vần và đủ số tiếng đã định thì cứ xuống giòng, nghĩa là ngắt câu tuy rằng ý thơ chưa hết. Các thi-sĩ ta làm thơ giải-phóng cũng ngắt câu khi chưa hết ý như vậy :

Và làm sao lỡ nhịp trăng đang
Dịu-dàng đàn những ánh tơ xanh

Xuân-Diệu

Muốn bỏ sự giả-dối mà người ta lợi-dụng từ trước đến giờ để chiều theo một vài luật, luật về vần, luật về số tiếng, nhiều nhà thơ tự-do không công-nhận sự tự-do xuống giòng ấy.

Một câu thơ tự-do phải là một câu ngắn đủ ý-nghĩa

Về âm-nhạc cũng vậy ; một câu thơ tự-do phải là một bản đàn, ít nhất cũng là một câu đàn có thể đứng tự-lập. Nó có thể không phụ-thuộc những âm-điệu khác và đã có một giá trị, một ý-nghĩa về âm-nhạc

Duy-nhất thứ hai đã phụ-thuộc bổ-khuyết và chu-đáo cho duy-nhất thứ nhất.

Một câu thơ cũng phải là một bức tranh hay là một phần bức tranh có đủ ý-nghĩa. Đọc câu thơ, nghĩa là nhìn vào bức tranh hay phần bức tranh, người ta có thể ngừng không phải đưa con mắt đi một nơi khác mà cũng có sự bằng lòng vì đã được thấy một cái gì có ý-nghĩa.

Duy-nhất thứ ba phụ-thuộc và bổ-khuyết duy-nhất thứ nhất.

Tóm-tắt ba duy-nhất ấy, Gustave Kahn, nhà thơ Pháp, ông tổ của thơ tự-do, đã nói vắn-tắt nhưng đủ nghĩa : « *Một câu thơ phải là một đoạn văn ngắn hết sức, đọc hết có thể ngừng giọng mà có đủ nghĩa về thị-giác và ý-nghĩa. Hiểu như vậy, người ta có thể nói rằng một câu thơ là một chân điệu dài hợp bởi nhiều chân nhỏ.* » (duy-nhất về âm-nhạc).

Từ chân điệu đến số tiếng trong câu thơ

Điệu là ở cái gì nó trở lại một cách đều-đặn ; trong thơ cũ sự đều-đặn ấy đã được có vì số tiếng ở câu thơ nhất định, mỗi câu thơ có vần :

« *Lẳng-lặng mà nghe họ chúc nhau,*
« *Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu* »

(Tú-Xương)

Nếu phân-tích hai câu ấy ra, ta sẽ có :

Lẳng lặng—mà nghe—họ chúc nhau —
Chúc nhau — trăm tuổi — bạc đầu râu —

Ba sóng nhỏ hợp lại thành một sóng lớn, tất cả cái sóng lớn ấy là một câu.

Tính chân tiếng (pied-mot) thì ta có mỗi câu bảy chân. Nhưng tính chân điệu thì ta có mỗi câu ba chân can-hệ khác nhau. Tất cả những câu sau cùng cần phải có bảy tiếng là cốt để cũng có số *chân điệu, sóng* giống như hai cái sóng (tức điệu) của hai câu trên.

Nếu bấy giờ cắt bỏ ở mỗi câu đợt sóng nhỏ đầu, ta vẫn có hai câu thơ, hay là hai sóng lớn, hợp lại bởi hai sóng con. Ở đây ta có hai câu thơ ngũ ngôn.

Cắt bỏ ở mỗi câu đợt sóng nhỏ cuối-cùng, ta vẫn có hai câu thơ hay là hai sóng lớn hợp lại bởi hai sóng con đều nhau.

Ta có thể thay hai tiếng nào ở một sóng nhỏ bằng một tiếng hoặc dài, hoặc vì sự mạnh-mẽ của âm-thanh mà sự can-hệ của sóng ấy vẫn không thay đổi, ta vẫn có câu thơ với bấy nhiêu chân điệu những số chân tiếng lại ít hơn. (Xem thí dụ với tiếng *thương* ở Tri-Tân số 18, trang 5 : *Thương* cởi áo cho nhau).

Từ chân điệu đến vần trong câu thơ,

Một điều nữa đáng chú-ý là không cần phải có những sóng đều nhau liên-tiếp. Người ta có thể có một sóng lớn tiếp đến một, hai, ba sóng bé, hoặc trái lại, nghĩa là người ta có thể có một câu dài rồi đến một, hai, ba câu ngắn khác nhau.

Như vậy cái « quả-nhiên » thứ nhất của cách tính chân điệu là trong một câu thơ *không còn phải quan tâm đến số chân tiếng nghĩa là tiếng.*

Cũng trong hai câu thơ của Tú Xương tiếng NHAU ở câu thứ nhất đã có sau sáu tiếng, RÂU đã đến sau sáu tiếng, (tính cả tiếng ấy là bảy). Cứ sau khi đọc sáu tiếng, ta được thấy cái gì đã thấy và đang chờ. Tiếng RÂU tức là vần, là một tiếng có âm gần giống

tiếng NHAU Người ta đặt nó ở đây là để ngắt cái sóng lớn. Nếu bây giờ ta dùng một tiếng khác, âm không giống hẳn nhưng chỉ na-ná, người ta cũng ngắt cái song được ở chỗ ấy, nghĩa là vẫn có cái điệu người ta muốn. Ở đây không những người ta tha-thứ sự ép vần, mà còn cho phép dùng « làm vần » những tiếng âm khác nhau nhiều nữa.

Người ta nghiệm xét rằng, trong câu thơ, thường những đặc-sắc của «thanh» không cũng có thể gây nên điệu, nghĩa là chân điệu. Nếu sự nghiệm-xét ấy có lý, thì có thể cứ cuối câu chỗ trước kia ép phải có vần, bây giờ người ta đặt những tiếng « *thanh* » giống nhau, cũng có những chân điệu, nghĩa là cả câu thơ Hoặc không cần để ý đến vần nữa. Người ta không phải làm những câu thơ :

« *Les demoiselles chez Ozy*
« *menées*
« *Ne doivent plus songer aux hy*
« *menées*

Tôi chưa được thấy những bài thơ không vần ở thơ ta, nhưng ở thơ Pháp thì tôi đã có dịp đọc nhiều : một sự làm cho tôi ngạc-nhiên là những câu thơ ấy cũng có những điệu mềm - mỏng lạ thường :

«*Plus d'ardentes lueurs sur le ciel alourdi*
«*Qui semble tristement rêver.*
«*Les arbres sans mouvement,*
«*Mettent dans le loin une dentelle grise.*
«*Sur le ciel qui semble tristement rêver,*
«*Plus d'ardentes lueurs. .*
«*Près de l'étang en lormi*
Le grillon fredonne d'exquises romances
«*Sous le ciel qui semble tristement rêver* »

Marie Krysinska)
Rythmes pittoresques

Cái « quả-nhiên » thứ hai của cách tính chân điệu là trong một bài thơ không cần quan-tâm đến vần, có càng hay, không cũng được, miễn là thế nào cho thơ có âm-điệu thì thôi.

Tổng luận : bỏ hết những luật phiền-phức và không chắc-chắn chỉ giữ một luật chung về điệu và ba luật : duy nhất về thị-giác, về y-nghĩa, về âm-nhạc.

Tất cả ý-nghĩa của cuộc cách-mệnh về thi-ca vừa qua là ở đó, và gần tất cả luật của thơ đã được gọi là tự do cũng ở đó.

Trở lại với từ-khúc

Người ta nói rằng thơ mới là từ-khúc, Từ-khúc có nhiều điều nhất-định như *Nhất - tiễn - mai, Cách-phố-liên, Hoa-phong-lạc* . . . nhiều lắm không kể hết được.

Nên hiểu rằng những điệu mang những tên trên chỉ là những bài từ làm ra với tất cả sự tự-do của một người. Những bài có điệu hay được người ta chú-ý bắt chước là có một điệu với một tên.

« *Bảng-lảng non vàng, cảnh minh diệt*
« *Mây in mái tóc, thân pha tuyết.*
« *Ủ dột nét mày ngài,*
« *Điểm trang cùng với ai ?* »

(Bồ-tát-man)

« *Vườn xuân cỏ cây tươi tốt,*
« *Khí xuân đầm-ấm dương hòa.*
« *Dan-díu cùng ai lời thề-thốt,*
« *Hẹn dưới hoa* ».

Và :

« *Cắt tóc để lo ma,*
« *Tủi phân đàn bà !*
« *Muốn cắt tóc chưa đành, giọt lệ sa !*
« *Nghĩ sao chẳng từ xưa cắt sớm, đem thân nhờ cửa phật.*
« *Làm sư, làm tiểu một đời qua...*
« *Tóc ơi : Hỡi tóc :*
« *Như ai trâm ngọc, lược ngà,*
« *Ta thời phải cắt mày đem bán để lo ma* ».

(Hương la đới)

Đọc và xét kỹ những bài từ trên này, ta nhận thấy những đặc sắc: Vần liền, vần cách tùy ý, số chữ không nhất định, điệu tự mình đặt.

Với bấy nhiêu đặc-sắc về hình-thức, ta đã có thể liệt từ - khúc vào thơ tự-do và nói rằng thơ tự-do chỉ là từ-khúc. Sự nhận xét ấy tuy cũng xác đáng, nhưng chỉ xác-đáng trong phạm-vi của nó.

Như tôi đã nói trên, những đặc sắc về hình-thức chỉ là những đặc-sắc phụ. Còn bao nhiêu đặc-sắc khác can hệ hơn nó phân biệt từ-khúc là từ-khúc mà thơ tự-do là thơ tự-do. (*Hết*)

LÊ - THANH

Một quyển sách của một nữ-sĩ

CHIÊM - THÀNH LƯỢC - KHẢO

(Những dấu tích của người Chàm)

Nhân-chủng — Tôn- giáo — Quốc - hiệu — Văn - học — Kiến-trúc — Âm nhạc — Mỹ thuật — Lịch sử — Danh nhân

Bà **Huỳnh-thị Bảo-Hòa** viết.

Tựa của cụ lớn **Phạm-Quỳnh**

7 bức ảnh và 1 bức vẽ phụ bản in mầu.

Sách in giấy bouffant đẹp — Giá 0p 30 — Cước 0p 08
để cho Đông-Tây thư-quán, 195 Hàng bông — Hanoi

TRẦN XUÂN-SOẠN

(Nhất nhật thăng tam cấp)

TRONG số các quan hộ giá vua Hàm-Nghi sang Tàu, Trần-Xuân-Soạn đã giữ một địa-vị trọng yếu.

Quán xã Hạc-sơn thuộc tỉnh Thanh-hóa, Trần-xuân-Soạn biệt hiệu Thọ-hạc, là một người văn hay, võ giỏi, mới ít tuổi đã am hiểu binh-thư chiến-lược.

Gặp khi triều-đình tuyển lính, Trần ứng mộ. Vì không hợp cách, bị loại, Trần phẫn chí, tình nguyện vào làm bầu bếp cho Nhuệ-vũ-quân Phó-quản Bắc-ninh. Thời ấy, Bắc-ninh có ngũ quân gồm 2 đề-đốc, 10 chánh-lãnh-binh và 10 phó lãnh-binh cai-quản.

Được ít lâu, dư-đảng Thái bình thiên-quốc chống nhau với nhà Thanh bị thất bại, tràn sang nước ta, đi cướp phá các nơi. Miền thượng-du Bắc-kỳ phải một phen khói sài mù mịt ! Quan quân ta đánh dẹp mãi, thực là vất-vả.

Tôn-thất-Thuyết làm Tán tương quân-vụ, đem quân đi tiễu phỉ.

Tới Cây-đa-tên(1) (Đồng-mỏ) gặp giặc khách, hai bên giao-chiến. Tán-Lập, người làng Mỗ (Hà-đông), bị giặc khách giết chết. Quân ta thua to, bỏ chạy tán loạn...

Trần gánh cơm cho chủ làm phó quản coi quân, vì mắc bệnh kiết, không sao chạy được, liền vứt bỏ gánh cơm, nhặt lá cờ của quân bỏ lại, ngồi tại chỗ để một liều ba bẩy cũng liều... Giặc khách thấy còn cờ ta, bèn quay lại giao-tranh. Lúc đầu, chúng coi thường, tưởng « quả bất địch chúng », không ngờ Trần chỉ có một mình cũng sát hại một số đông giặc khách !

Tôn-thất-Thuyết, khi đó, đứng trên núi thấy đánh nhau, bèn sai ghi công và cho quân đến giúp. Vì vậy, Trần, khí thế càng hăng, một mình xông pha tên đạn, làm cho quân giặc phải táng đởm, kinh hồn. Kết cục cả toán giặc bị phá vỡ. Trận đương thua bóa ra thắng.

Trần thắng-trận, trở về đại doanh với 18 quách (đuôi sam của giặc). Tôn-thất-Thuyết tỏ nhời khen ngợi và thăng cho một lúc ba trật : suất-đội, phó-quản, chánh-quản.

Thế là từ một tên bạch-đinh, Trần chỉ trong một ngày thăng lên ba cấp, thực xứng với cái chiến-công oanh-liệt có một, không hai vậy.

Năm Tự-đức thứ 30 (1877) Trần thăng Chánh Lãnh-binh Bắc-ninh. Năm sau, thăng Phó Đề-đốc ; năm sau nữa, vì có công đánh tan giặc khách trên sông Sỏi (Yên-thế), được đặc-cách thăng Chánh Đề-đốc.

Năm Tự đức thứ 35 (1882), Trần được cử vào kinh-thành, làm Ngũ môn Đề-đốc.

Kịp khi vua Tự-đức băng, trong bốn tháng lần lượt ba vua lên nối ngôi. Trong triều thì nhiều đảng-phái, ngoài thì nhiều quân cần-vương nổi dậy khắp nơi.

Vua Hàm-Nghi kéo cờ chống nhau với binh Pháp. Sau nhiều trận thất-bại, vua phải bôn-bá.

Trần được phong làm Đô-thống-phủ Chưởng-phủ Chưởng-vệ Trung-dũng tướng Khắc-địch phò giá, cùng với bọn Tôn-thất-Thuyết hộ giá sang Tàu cầu cứu.

Vua Tàu không giúp, để 7 huyện châu cho vua Hàm-nghi làm hành-tại và cho các quan ta lưu tại đất Tàu để dung thân.

Khi vua Hàm-nghi lại trở về nước nhà, Trần cùng Tôn thất-Thuyết và các quan hộ giá còn ở lại nước Tàu không kịp theo vua.

Sau, một dư-khách qua Tàu, gặp Trần, có tặng Trần một bài thơ chữ hán :

Thế lộ mang-mang kỷ vạn trùng...
Thốn tâm như mã dục truy phong.
Bôn Ngô, đãi triền cô thần chí.
Tồn Triệu, tiên tư lão tướng công.
Kiếm ngoại, hoành quan tân vũ-trụ ;
Đăng tiền, túng luận cổ anh-hùng.
Nhất tôn dự đình qui-lai nhật,
Vân tễ Nam thiên, húc ảnh hồng.

Rồi Trần-xuân-Soạn chết tại Trung-hoa.

NHẬT-NHAM

(1) Xưa vua Lê-Thái-tổ bắn Liễu-Thang vẫn còn mấy tên đồng cắm trên thân cây đa Đồng-mỏ.

Nói thêm về chuyện

« Trạng Me đè trạng Ngọt »

Tri-Tân tiếp được bài sau này của ông bạn Long-Điền Nguyễn-văn-Minh khảo thêm về Trạng Me và Trạng Ngọt, vậy xin lục đăng cho rộng phần kê-cứu.— T.T.

ÔNG Tiên-Đàm, trong tạp-chí Tri-Tân số 15 ra ngày 19—9—41, có kể câu chuyện « Trạng Me đè Trạng Ngọt » theo khẩu truyền, không được rõ lắm. Nay chúng tôi khảo-cứu biết được đến đâu, xin cống hiến độc-giả đến đấy :

Sao gọi là Trạng Me ?

Sao gọi là Trạng Ngọt ?

Trạng Me chính tên là Nguyễn giản - Thanh, con cụ Tiến-sĩ Nguyễn - giản - Liêm, người làng Ông-mặc (nay cải là Hương-mặc) huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh, đỗ Trạng nguyên khoa Mậu-thìn năm Đoan-khánh thứ 4 (1508) đời vua Lê Uy-Mục.

Nước ta, về cổ thời, mỗi làng đều có tục danh, như làng Xinh-kế (Bắc-ninh) tục danh là làng Kẻ nên gọi ông Giáp - Hải là Trạng Kẻ ; làng Phùng-xá (Sơn-tây) tục danh là làng Bùng, nên gọi ông Phùng - khắc - Khoan là Trạng Bùng (1).

Ông Nguyễn - giản - Thanh, người làng Ông-mặc, chắc tục danh là làng Me (2). Cứ suy cách đặt tên tục và tên chữ hai làng trên, thì có lẽ người ta nhân tên tục mà đặt ra tên chữ như : làng Kẻ đặt là Xinh-kế (4), làng Bùng đặt là Phùng xá Đến khi ông Giản-Thanh đỗ Trạng, thời nhân mới gọi là Trạng Me.

Trạng Ngọt chính tên là Hứa - Tam - Tỉnh, người làng Vọng-nguyệt huyện Yên-phong (Bắc-ninh) (chưa khảo được gia-thế), đỗ Bảng - nhỡn cùng khoa với ông Nguyễn - giản - Thanh.

Làng Vọng-nguyệt, chắc tục danh là làng Ngọt, nên ông Hứa-tam-Tỉnh tuy đỗ Bảng-nhỡn, nhưng vì người đẹp, được vua Lê-uy-Mục lấy đỗ Trạng-nguyên, nên mới gọi là trạng Ngọt.

Theo văn tài, ông Nguyễn-giản-Thanh đỗ Trạng-nguyên là nhất, ông Hứa-tam-Tỉnh đỗ Bảng-nhỡn là nhì. Lúc vào bệ kiến, vua thấy ông Giản-Thanh xấu, ông Tam-Tỉnh đẹp, liền cho ông Hứa-tam-Tỉnh đỗ thứ nhất là Trạng-Nguyên, đánh ông Giản-Thanh xuống thứ hai là Bảng-nhỡn. Vì thế, thời nhân chế, thường gọi ông Hứa tam-Tỉnh là Trạng Đẹp (Mạo Trạng-nguyên.

Còn câu chuyện khiêng võng dạm vợ, xin sẽ khảo sau.

Long-Điền **Nguyễn văn-Minh**

Theo tài liệu trong bộ «Đại-nam lịch-sử địa-dư từ-điển» của tác giả

(1) Theo *Nam hải dị nhân*, ông Phùng khắc-Khoan đỗ chế khoa Tiến sĩ khoa Canh thìn, niên hiệu Quang Hưng thứ 3 (1580) đời vua Lê thế Tôn, đi sứ sang Tàu, gặp tết nguyên đán, vua Tàu sai các đình thần và các sứ thần ngoại quốc mỗi người dâng một bài thơ chúc mừng. Ai cũng chỉ làm được một bài, duy ông Khoan làm tới 36 bài. Vua Tàu phục là giỏi, phê cho đỗ trạng — Lời chua của tác giả. (Nhưng theo *Lịch-triều hiến chương, Nhân vật chí*, của Phan huy Chú, thì Phùng, khi ở Yên kinh, gặp lễ Vạn thọ của vua nhà Minh, có dâng 13 bài thơ. Vua Minh phê rằng : « Nhân tài ở đâu chả có ! » — L. T. S.)

(2) Ở tổng Thị chanh, phủ Bình giang, tỉnh Hải dương, cũng có những bảy làng Me, như Me kiều, Me vàng, me thữ, Me khê v. v.— L. T. S.

(3) Về tên chữ và tên tục (tức tên nôm) của các làng, nay vẫn chưa thể căn cứ vào đâu mà nói chắc rằng nhân tên tục đặt ra tên chữ, hay nhân tên chữ đặt ra tên tục. Nhưng việc này lại là một vấn đề khác. — L. T. S.

(4) Trong *Bắc giang địa chí* của Nhật nham Trịnh như Tấu nói làng Dĩnh kế thuộc tổng Dĩnh kế, phủ Lạng giang, tỉnh Bắc giang trang (266) Vậy chẳng hay Dĩnh kế này có phải là làng Xinh kế ? — L. T. S.

MUỐN LÀM GIÀU
MUA VÉ SỐ
ĐÔNG PHÁP

1p.00 một vé

TRẦN-CAN

KỊCH LỊCH-SỬ BA HỒI BẰNG THƠ

Dựa theo ý của Khái-Hưng trong bài « Linh-hồn thi-sĩ »

PHAN-KHẮC-KHOAN viết

Đã diễn hai lần : ở Thanh-hóa tối hôm 3 Février 1940 và ở Từ-sơn (Bắc-ninh) tối hôm 25 Mars 1940.

CÁC VAI :

QUÝ-LY : vua nhà Hồ
CUNG-PHI : của Quý-Ly
TRẦN-CAN : một thi-sĩ trung-thành với nhà Trần
NHO-SĨ : đại-biểu cho tất cả những nho-sĩ hồi bấy giờ
THI-VỆ : hầu Quý-Ly
NỮ-TỲ : hầu Cung-phi

Để thay đổi hứng-thú cho các bạn đọc thân yêu, Tri-Tân từ kỳ này trở đi, xin hãy lần lượt đăng xen hai vở kịch : trước « Trần-Can » (của Phan Khắc-Khoan), sau « Huyền-Trân công-chúa » (của Nguyễn Đan-Tâm). Tiếp, sẽ đăng đến thiên tiểu-thuyết dài « Thoát cung vua Nạc » (của Chu-Thiên) như trước đã rao. Xin các bạn đón coi...

HỒI THỨ NHẤT

Cảnh I *Quý-Ly*
Cung-phi

QUÝ-LY — Lầu uy-nghiêm trầm-ngâm trong bóng lặng,
Trời lươi-lươi, mây gợn nét mơ hồ.
Mưu anh-hùng xây đắp nổi Tây-đô,
Và rực rỡ đây ngôi vàng chói-lọi !
Nghiệp Trần-thị đã từng cao vòi-vọi,
Dưới tay ta nay đổ nát tan tành.

●

Chiều hôm nay mây gợn bóng xanh xanh;
Cây im đứng, gió chưa về, có lẽ...
Đây trong bóng chiều buông mơ lặng-lẽ,
Vẳng êm êm như khúc nhạc tiên thiều,
(Có tiếng trúc xa xa)
Nhưng đượm buồn như tiếng gọi cô-liêu
Và... ao-não như giọng hờn dỗ-vũ.
(Quý-Ly lần lần đi về phía tây cung, bên trái, lắng nghe)

CUNG-PHI — Ngao-ngán quá, trời ôi, ngôi cửu-ngũ,
Ôi Khát-Chân, ôi Nguyên-Hạng trung-thần !
Đã quên mình cho hạnh-phúc của toàn dân
Đương rên-rỉ dưới hung-tan trong thảm-khốc

QUÝ-LY — Ghê-gớm quá, những lời ca rởn ốc !
Đương nung sôi và bàm xé tim gan.
Thôi quay mình lui lại phía hành-lang,
Vung kiếm thép sẽ rơi đầu ngạo-mạn !
Và bằm nát những mầm non rối-loạn ..
(Đi lại gần tây cung)
Nhưng !.. đâu đây như phảng phất hương lài,
Tiếng hương êm đường man mác những hơi dài
(Đến trước phòng, trông thấy Cung-phi)
Ủa ! ta đã nghe sai-lầm có lẽ ?
Đây trong bóng chiều buông êm lặng-lẽ,
Lần đầu tiên ta bỗng thấy tay rung ;
Đây, huy-hoàng man-mác dãy tây-cung ;
Đây, lộng-lẫy đào tươi cùng liễu biếc ;
Đây, đã đổi căm hờn ra luyến tiếc...

●

(VỚI CUNG-PHI) — Tâu mau lên, ta rõ, ái phi ơi !
Đây, gươm vàng đương khát máu đầu rơi,
Phi khá nói cho ta tên ẩn sĩ
Đã giám viết những lời ca nghịch nhĩ !

CUNG-PHI — Không, không bao giờ mang dạ sài lang,
Thiếp cung khai tên tuổi của chàng.

QUÝ-LY — Đây ta quyết sai quân tầm-nã riết
Tên nghịch sĩ, mặc khanh buồn thảm-thiết !

CUNG-PHI — Không, không bao giờ mang dạ sài-lang,
Thiếp cung khai tên tuổi của chàng.

QUÝ-LY — Mau, phi hỡi, quân ta chớ lệnh quyết,
Dẫu phi tỏ lòng thương tha-thiết.
Tâu mau lên ta rõ, ái phi ơi,
Đây, gươm vàng đương khát máu đầu rơi!

CUNG-PHI — Tâu bệ-hạ, muôn nghìn tâu bệ-hạ,
Nếu vì thiếp mà chàng thơ mang họa
Thì thôi thà cung quế chịu riêng tang:
Thiếp nguyền xin mang tội chết thay chàng.

QUÝ-LY — Không, trẫm sẽ không ban truyền lệnh giết.
Nếu khanh đã tỏ lòng thương tha-thiết,
Thì tâu mau ta rõ, ái-phi ơi!
Vì... đây, gươm vàng không khát nữa, máu đầu rơi.

CUNG-PHI — Nhưng thảm-thiết, trời ơi! tâu bệ hạ,
Thiếp chỉ sợ chàng thơ mang thảm họa...

QUÝ-LY — Không, phi ơi, nếu chàng thơ qui phục triều-đình.
Thì trẫm thề sẽ ban thưởng tước công-khanh.

CUNG-PHI — Thánh-thượng đã tỏ lòng bác-ái,
Thiếp đây vẫn buồn lo và ai-ngại,
Vì nếu chàng lâm phải bước nguy-nan
Thì thiếp ta người gieo họa, hỡi Trần-Can!

QUÝ-LY — Trần-Can? Trần-Can?

CUNG-PHI — Tran-Can! Trần-Can!
Nguyện chàng đừng lâm phải bước nguy-nan!

QUÝ-Ly — Thôi, phi hỡi, thôi, phi đừng lo nghĩ,
Trẫm xuống chiếu bảo tìm nhà thi-sĩ.. Trần Can...

CUNG-PHI — Trần-Can!
Lòng em như phân xé tiêu-tan...

QUÝ-LY — Ta kíp phải sai truyền thị-vệ
Đi tìm bắt Trần-Can không chậm-trễ.

MÀN HẠ

HỒI THỨ HAI

Cảnh I: *Một nho-sĩ*

Thị-vệ

(Trong một quán rượu

NHO-SĨ — Ngao-ngán quá, trời ôi, ngôi cửu-ngũ
Ôi Khát-Chân, ôi Nguyên-Hạng trung-thần!
Đã quên mình cho hạnh phúc của toàn-dân
Đương rên-rỉ dưới hung-tàn trong thảm khốc!

THỊ-VỆ — Đồ nghịch mạn, tên dân càn ngu-ngốc,
(vừa đi đến)
Dám to gan, khinh-mạn cả triều-đình!
Muốn rơi đầu dưới ngọn kiếm uy-linh?
Ta vâng mệnh đi tìm tên ẩn-sĩ
Đã giám viết những bài ca nghịch nhĩ...
(Nho-sĩ cười ngạo-mạn, thị-vệ dấu dịu)
Thôi, nếu chàng muốn khỏi những âu lo,
Thì hãy cùng ta đi tìm kiếm kẻ cuồng nho
Để áp-giải tới sân rồng, hỏi tội...

NHO-SĨ — Không, ngươi hỡi, ngươi đừng tin tưởng vội,
Tên dân này không tỏ chút âu-lo;
Bài thơ kia là của bậc thần nho:
Trần-quân ấy, ai còn không kính-phục?
Bậc thi-bá, trang anh-hùng xuất tục,
Không bao giờ trốn tránh những gian lao.
Nhà thi-nhân gần gũi chẳng xa nào,
Ngươi vào đấy sẽ được ân cần tiếp đãi,
Nhưng sẽ phải kinh-hoàng và sợ-hãi.,

Cảnh II: *Quý Ly, Trần Can, Cung phi*

(Quý Ly ngự ở điện, Thị-vệ dẫn Trần-Can vào)

QUÝ LY — Trẫm vui mừng mong mỏi đợi thi-nhân
Tài như ngươi xem đáng bậc danh thần;
Trẫm muốn để ngươi sung vào nội-các,
Để giúp trẫm với cái tài uyên bác.

TRẦN-CAN — Tâu muôn trùng uy-đế, kẻ ngu dân
Xin cúi đầu bái tạ hoang-ân;
Nhưng tiện-sĩ đã quen mùi lê-hoắc,
Đâu dám sánh những ngôi tài kinh quắc (quốc)
Phận đê hèn xin thanh thượng ban ân
Cho trở về làm một kẻ phàm dân.

QUÝ-LY — . . . . . Được!
Ngươi đã muốn chối từ phẩm tước
Thì trẫm đây không nài ép làm chi.
Nhưng từ nay, tuân luật phép uy nghi,
Ngươi không được làm thơ hùng ngạo-mạn!

TRẦN-CAN — Đầu dễ đứt nhưng dòng thơ khôn cạn.
(bỗng cảm tức)

QUÝ-LY — Thôi, được rồi, tên nghịch-tặc! Binh-minh
Sẽ đem ra pháp-địa hành hình.

●

Ngươi sẽ biết, rồi đây, ngươi sẽ biết:
Cả óc rắn và lòng thơ ráo riết,
Sẽ cùng trôi về dưới suối vàng... thơ!
Thôi, quân binh! lôi gã tới chân cờ
Và cẩn thận trói xiềng bên cột sắt.
(Thị-vệ đem trói Trần-Can ở phía trước; màn hạ, Trần-can ở trước màn)

(Còn nữa)

PHAN KHẮC-KHOAN

Đừng nên coi thường quốc-văn !

Tiếp theo trang 2

chỉ tiếng thứ nhất viết hoa mà thôi, ví dụ : Tô-như, Thanh-hiên, Văn-trinh, Thánh-tôn.

« Nếu là tên họ hai tiếng thì chỉ chữ đầu tiếng trên viết hoa thôi, ví dụ, Tư-mã, Gia-cát.

« Nếu là tiếng gồm cả họ và tên người thì tiếng họ và tiếng tên viết rời nhau, ví dụ :

« Mac Đĩnh-Chi, Nguyễn Công-Trứ, Chu Mạnh-Trinh, Nguyễn Văn-Siêu, Tư-mã Tương-Như, Gia-cát Lượng, Nguyễn Huệ.

« Nếu là tên đất gồm nhiều tiếng thì phải để dấu nối, mà chỉ chữ đầu tiếng thứ nhất là viết hoa thôi, ví dụ :

« Hương-giang, Bắc-kỳ, Hải-vân-quan.

« Khi tên đất ấy gồm một tên chính với một tiếng chỉ tính thì tiếng chỉ tính viết riêng mà chữ đầu phải viết hoa, ví dụ :

« Thủy Chân-lạp, Bắc Phi, Nam Tư-lap-phu, Triều-sơn Tây, Thanh-thủy Thượng.

« Nếu là tên sự vật thì nên phân-tích ra từng lời, những tiếng gồm một lời viết nối nhau và chữ đầu tiếng thứ nhất phải viết hoa, ví dụ :

« Văn-nghệ Phục-hưng, Hưng-quốc Khánh-niệm.

« Nhưng nếu hai lời có hàm ý nghĩa liên-lạc hay tương đối thì phải viết nối lại, ví dụ : Anh-Pháp Đồng-minh, Pháp-Đức Chiến-tranh.

« Nếu là tiếng chỉ tên riêng do tiếng tây dịch âm thì những tiếng dùng để dịch một tiếng tây ấy phải viết nối nhau, mà chỉ viết hoa chữ thứ nhất thôi, ví dụ : Phi-líp, Pê-tanh, Pi-e La-van, Các-mác, Rút-xô, Pa-ris (Coi Tri-Tân số 15, trang 17).

Những đề-nghị về văn-pháp ấy của Đào-quân, tôi hầu hết tán-đồng.

Nhưng xin thêm rằng : phàm những tiếng chuyên-danh-từ, khi đã đổi thành hình-dung-từ, thì ta không cần phải viết hoa nữa.

Cử lệ : Tiếng *việt - nam*, văn - hóa *trung-hoa*, chiến-tranh *nga-đức*. . . Tôi muốn những hình-dung-từ ấy không viết hoa để phân biệt với những khi chúng là chuyên danh-từ: Tiếng của *Việt-nam*, văn-hóa của *Trung-hoa*, chiến-tranh giữa *Nga*, *Đức*.

Có người sẽ nói : Tiếng ta khác với tiếng pháp, nên không cần phải theo luật ấy trong văn-pháp tây. Vì những hình-dung-từ trong pháp-văn thường đổi theo giống và số, hợp với danh-từ mà nó đi cùng. Hình-dung-từ của ta không đổi, không hợp, thì cần gì phải theo cái lệ ấy ?

Nói vậy chỉ là một cách dung-túng cho những sự cẩu-thả, không nhất trí.

Nếu người ta đã cho những tiếng « tàu » trong « tranh *tàu*, trò *tàu* sử *tàu*, sách *tàu* » đều là hình-dung-từ không phải viết hoa, thì sao không theo một lối ấy mà viết cho nhất trí trong những trường-hợp giống thế : văn vần *trung-hoa*, văn học *tàu*, chiến-tranh *trung-nhật* ?

Không viết hoa những tiếng « trung-hoa tàu » và « trung-nhật » ấy có cái lợi là giúp cho người đọc phân-biệt được ngay khi thấy chúng nó đã từ chuyên-danh-từ đổi ra hình-dung-từ. Bấy giờ người ta mới dễ nhận thấy công-dụng của những tiếng « của » và « giữa » đứng làm « trung-gian » có cái quan-trọng là thế nào.

●

Kể ra, quốc-văn ta còn có nhiều cái cần phải đem ra thảo-luận, cần phải tìm cách làm cho nhất-trí trong khi viết, rồi mới mong nó có một tương-lai tốt-đẹp, rực-rỡ được.

Xin ai đừng coi thường quốc-văn !

Xin ai đừng khinh-suất, cẩu-thả trong khi viết tiếng mẹ đẻ !

HOA-BẰNG

TẠP TRỞ

Cách hành-hình dã-man

Hồi vua Hailé Selassié còn trị-vì nước Á, có tục xử tử tội-nhân rất tàn-ác.

Khi một tội-nhân bị kết án tử-hình thì tên đó từ đầu đến chân bị quấn vải bông tẩm sáp. Mặt và mũi để hở và hai chân quấn riêng. Như thế tên tội-nhân có thể tới pháp-trường được.

Sáu đao-phủ thủ dẫn tội-nhân ra chỗ bị thiêu có đức vua chứng kiến. Một người trong bọn đó đấm một cái thật mạnh vào quai hàm tội-nhân rồi rẩy y vào đống lửa.

Nếu tội-nhân muốn chạy thì sáu tên lực lưỡng kia đã sẵn dao mác ngăn cản không cho tẩu thoát.

Dã man thay cách xử tử đó !

(Marcel Grianle: Les Flambeurs d'hommes)

MẠNH-PHAN thuật

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine (Septembre 1939 — Juin 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương!

Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

Bán tại:
Số 5, Phố Phúc-Kiến
HANOI

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tụ-Quán